

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

4

HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG

TIÊN DUNG - CHỮ ĐÓNG TỬ, SƠN TINH - THỦY TINH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN - PHAN AN
Họa sĩ
TẤN LỄ - TRUNG TÍN



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 4: HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG
TIỀN DUNG - CHỮ ĐỒNG TỬ, SƠN TINH THỦY TINH

Tái bản lần thứ năm

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Huyền sử đời Hùng / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh Trân, Phan An biên soạn ; họa sĩ Tấn Lễ ... [và nh.ng. khác]. - Tái bản lần thứ 4. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

88 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.4).

1. Triều đại Hồng Bàng, 2879-258 trước công nguyên (Truyền thuyết) — Sách tranh. 2. Việt Nam — Lịch sử — Đến 939 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Phan An. IV. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Hong Bang dynasty, 2879-258 B.C. (Legendary) — Picture books. 2. Vietnam — History — To 939 — Picture books.

959.7012 — dc 22

H987

LỜI GIỚI THIỆU

Truyền thuyết về Tiên Dung - Chử Đồng Tử, về Sơn Tinh – Thủy Tinh là các huyền sử đời Hùng giúp ta biết được những ước mơ, những khát vọng người dân Văn Lang lúc bấy giờ.

Truyền thuyết về Tiên Dung - Chử Đồng Tử cho ta biết về một xã hội Lạc Việt đã có cách biệt giữa tầng lớp vua quan với người bình dân. Truyền thuyết cũng cho ta biết về sự truyền bá Phật giáo, kết hợp cùng tín ngưỡng dân gian, cùng Đạo giáo tạo nên bản sắc riêng cho Phật giáo nước ta. Bên cạnh đó là những tập tục cưới xin, chôn cất người chết, cùng các sinh hoạt thường ngày của người dân Lạc Việt như mặc khố, đội nón,...

Còn chuyện về Sơn Tinh – Thủy Tinh lại cho ta biết hiện tượng thiên nhiên đe dọa đời sống cư dân Văn Lang, đó là lũ lụt. Chiến thắng của Sơn Tinh trước Thủy Tinh chính là khát khao, ước mơ chinh phục thiên nhiên của người dân Việt trong buổi đầu dựng nước.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 4 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Nước Âu Lạc”** phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân và Phan An biên soạn, phần hình ảnh do họa sĩ Nguyễn Trung Tín và Tấn Lễ thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 4 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

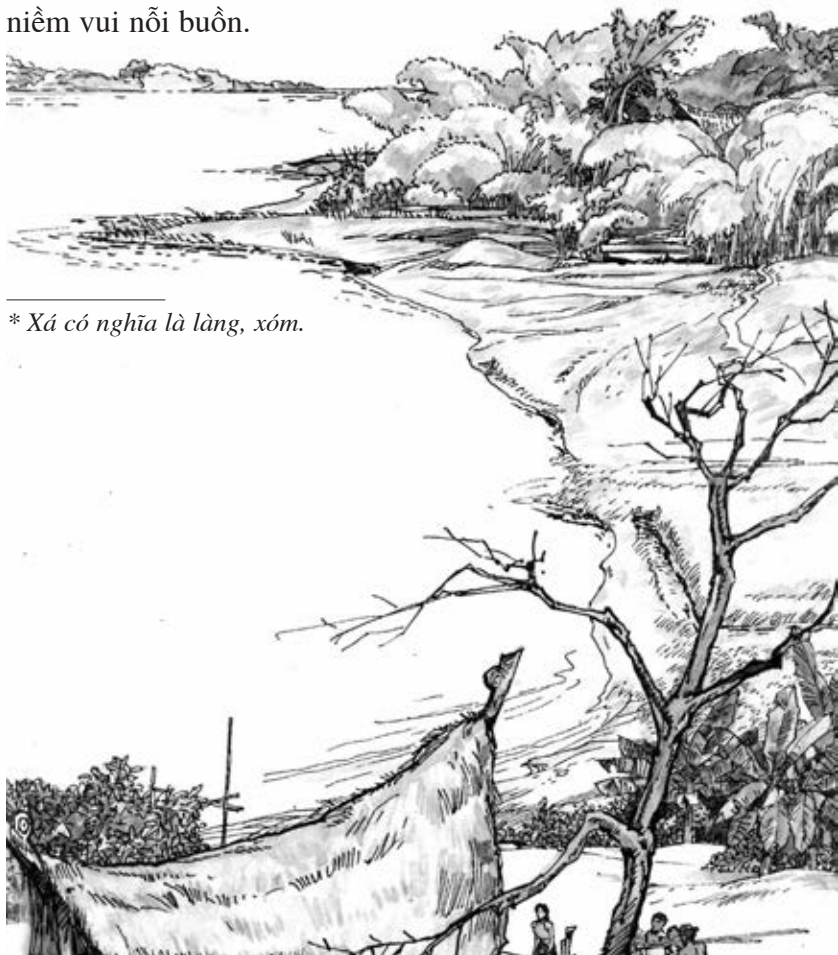
Vua Hùng Vương thứ ba có công chúa Tiên Dung tính tình phóng khoáng, thích ngao du sơn thủy, gặp chàng trai nghèo khó Chữ Đồng Tử không những không chán ghét mà còn cùng nhau kết duyên, cùng chồng nương tựa vào nhau, sống đời dân thường.

Vua Hùng Vương mười tám có con gái tên là Ngọc Hoa xinh đẹp nên vua muốn kén được rể tài. Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng đến hỏi Ngọc Hoa nhưng do Sơn Tinh đem lễ vật đến trước nên đón được Ngọc Hoa về núi Ba Vi. Thủy Tinh nổi cơn ghen tức nên đã dâng nước gây lụt lội. Đó cũng chính là nguyên nhân của những cơn lũ hàng năm ở Văn Lang.

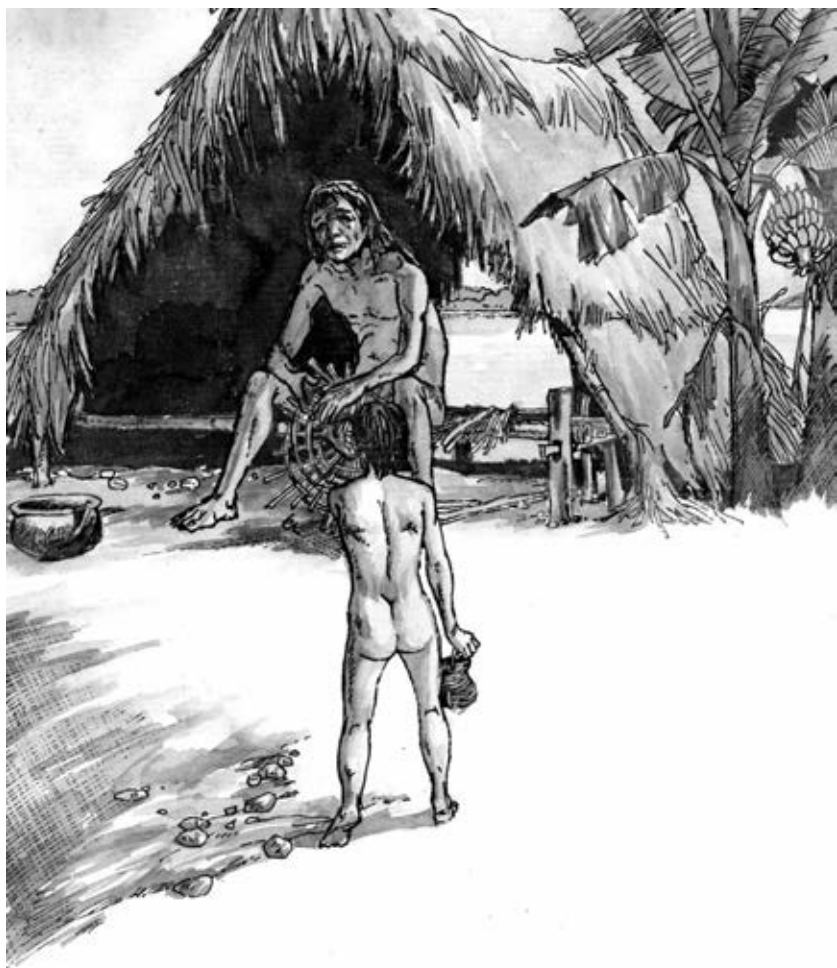
CHỦ ĐỒNG TỬ TIÊN DUNG



Vào thời vua Hùng, người trong các làng xóm phần nhiều là bà con họ tộc với nhau. Ven sông Cái (thuộc huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) có một làng rất đông người họ Chử cùng sống nên có tên là Chử Xá^(*). Dân làng giữ nếp sống thuần hậu, lấy việc cày ruộng, cấy lúa làm nghề chính. Ngoài ra còn ra sông thả đàng, giăng lưới, đánh dậm bắt cá tôm. Tuy cuộc sống còn nhiều vất vả nhưng dân làng thương yêu đùm bọc, cùng chia sẻ với nhau mọi niềm vui nỗi buồn.



^(*) Xá có nghĩa là làng, xóm.



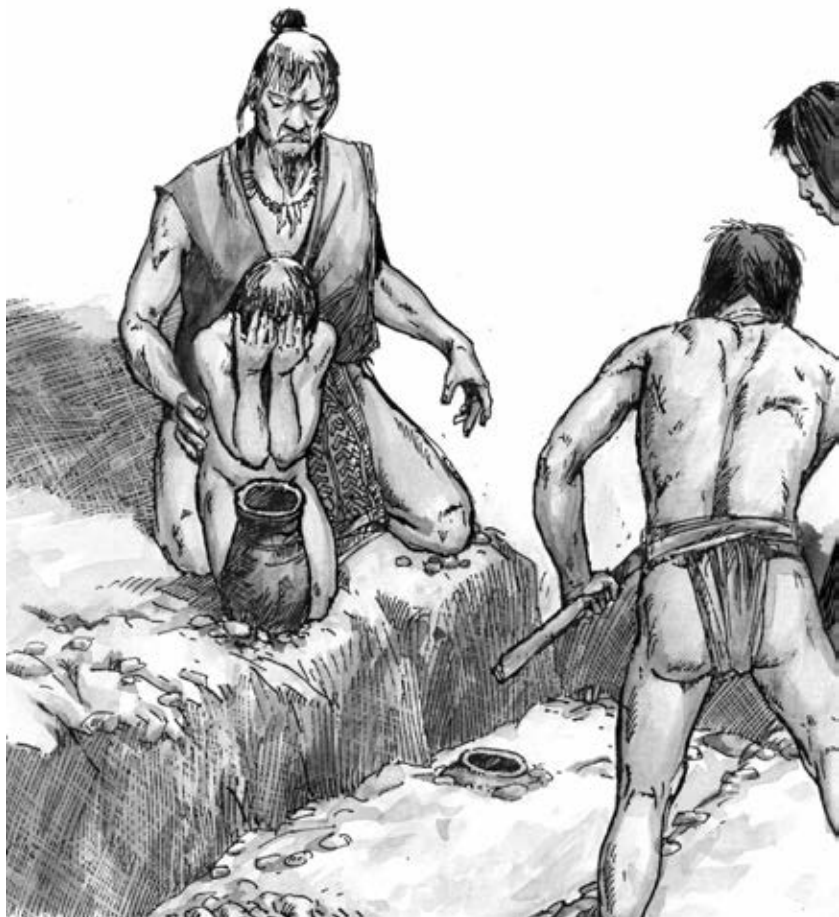
Ở cuối làng có một căn chòi lụp xụp, đấy là nhà của hai cha con người đánh cá nghèo khổ. Cha là Chử Cù Vân đã già yếu lại hay ốm đau, con là Chử Đồng Tử hãy còn thơ dại. Cả nhà chỉ có mỗi chiếc khố là vật đáng giá, ông Chử Cù Vân cũng ít dám dùng sợ mau rách. Còn cậu bé Chử thì quanh năm trần truồng như phần nhiều các cậu bé khác.



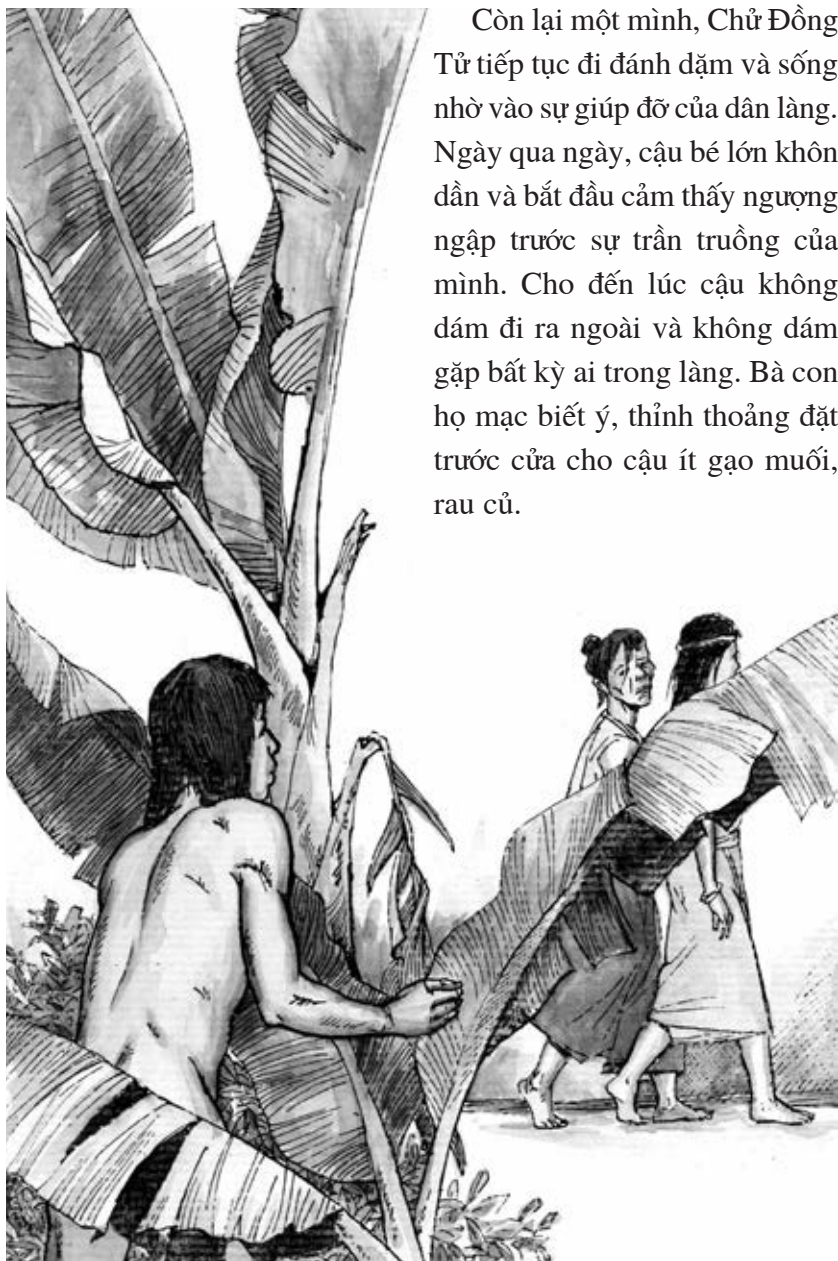
Khi Chữ Cù Vân ốm nặng, biết mình không qua khỏi, ông thều thào dặn lại con trai:

- Bố chết, cứ chôn trần, con giữ cái khố lại mà dùng. Con gắng chịu khó làm ăn sinh sống, ở với xóm giềng có thủy có chung...

Cha chết, Chữ Đồng Tử vô cùng thương xót. Không nỡ để cha trần truồng, cậu lấy chiếc khố duy nhất quần cho cha. Cậu còn chia cho cha tất cả những đồ vật mà cha vẫn dùng hàng ngày để ở thế giới bên kia cha khỏi phải thiếu thốn. Còn cậu chỉ giữ lại cho mình chiếc dăm đã rách. Dân làng thương cậu bé hiếu thảo, xúm nhau vào lo đám tang ông Chữ Cù Vân rất chu đáo.



Còn lại một mình, Chữ Đồng Tử tiếp tục đi đánh dấm và sống nhờ vào sự giúp đỡ của dân làng. Ngày qua ngày, cậu bé lớn khôn dần và bắt đầu cảm thấy ngượng ngập trước sự trần truồng của mình. Cho đến lúc cậu không dám đi ra ngoài và không dám gặp bất kỳ ai trong làng. Bà con họ mạc biết ý, thỉnh thoảng đặt trước cửa cho cậu ít gạo muối, rau củ.



Cuối cùng, cậu nghĩ ra một cách, buổi sáng cậu dậy từ lúc trời còn tối rồi vác dậm ra sông. Cả ngày cậu lội ngấp nửa người dưới nước để bắt cá. Được ít nào cậu lại bơi ra các thuyền bè qua lại trên sông để đổi com ăn. Sau đó lại tiếp tục bắt cá đến tối mịt mới dám về nhà.

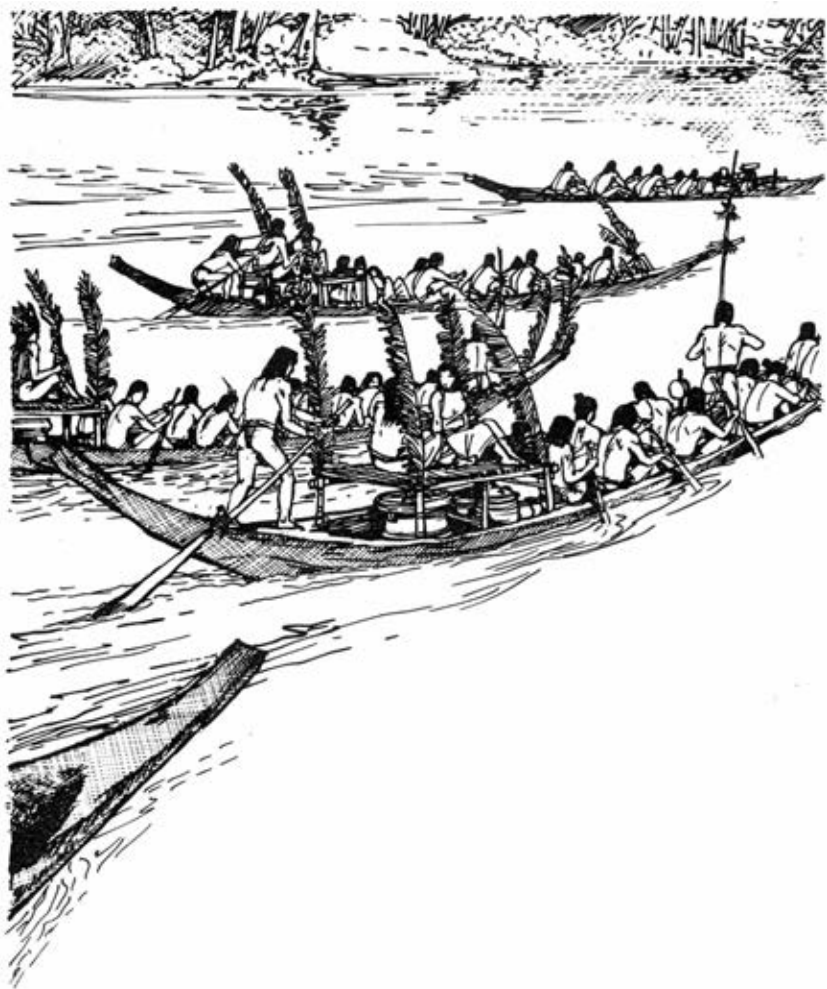




Chữ Đồng Tử cứ sống như vậy cho đến lúc đã trở thành một chàng trai thực sự. Mơ ước lớn nhất của chàng là đánh được nhiều cá để đổi lấy một chiếc khố. Có khố, chàng có thể đi thăm bà con, ăn với họ một miếng trầu cay. Có khố chàng sẽ đi dự hội làng để già cội và hát đối đáp với các cô gái... Nhưng ước mơ bé nhỏ của chàng mới khó thực hiện làm sao...

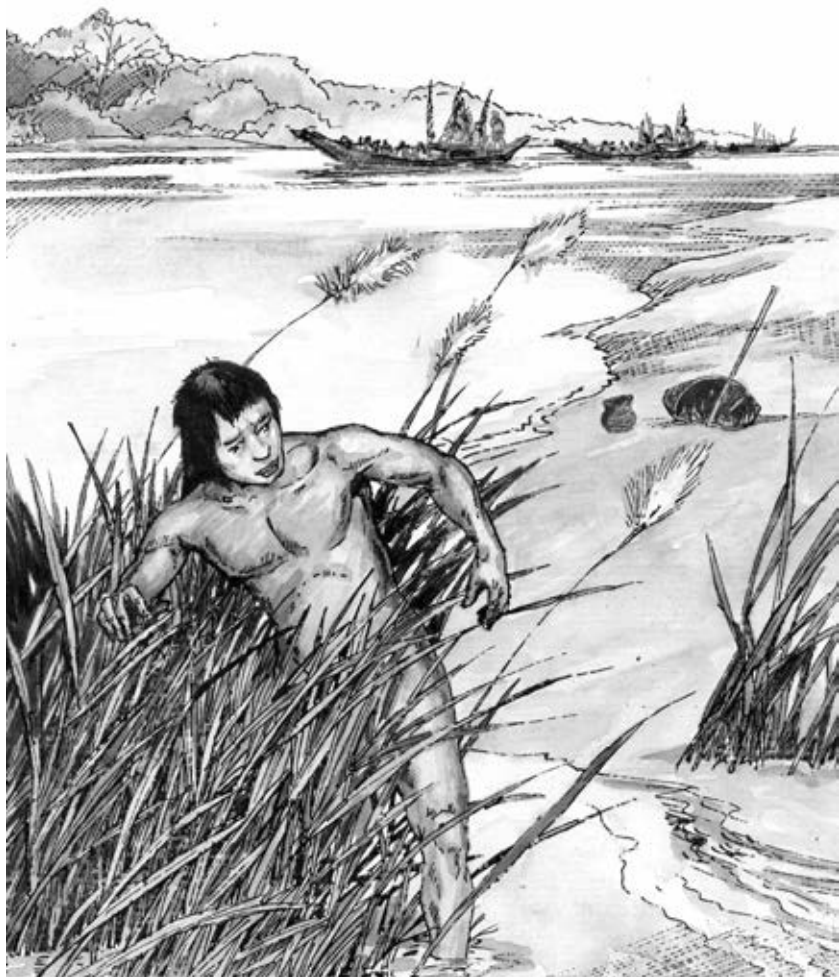


Cũng vào thời bấy giờ, ở Phong Châu, vua Hùng có nàng My nương tên là Tiên Dung, nhan sắc xinh đẹp. Nàng đã mười bảy mười tám mùa lúa mà vẫn chưa chịu lấy chồng. Vua cha rất lo lắng, bởi lẽ theo tục lệ thời đó, con trai mười sáu mùa rẫy, con gái mười ba đã nghĩ đến chuyện lúa đôi, gia đình.



Tiên Dung chỉ thích đi đây đi đó, ngao du sơn thủy, chiêm bái cảnh đẹp non sông đất nước, thăm viếng dân tình. Chiêu ý con gái, vua cấp cho nàng một đoàn thuyền với đông đảo thị nữ, tiểu đồng hầu hạ, mặc cho nàng rong ruổi. Vua còn nhờ Lạc hầu em trai mình đi theo chăm sóc Tiên Dung.

Một hôm, Chủ Đồng Tử đang đánh dậm bắt cá trên bến sông vắng. Bất ngờ chàng nhìn thấy một đoàn thuyền giăng kín mặt sông. Đoàn thuyền có vẻ đang dần về phía chàng. Chàng sợ quá vội quăng dậm, quăng đút chạy vội lên phía mấy bụi lau, bói cát vùi mình để trốn.



Đoàn thuyền đông đảo ấy chính là thuyền của Tiên Dung và kẻ hầu người hạ đang trên đường đi thăm phong cảnh đất nước. Gặp khúc sông làng Chử nước xanh cát trắng, làng xóm yên lành như tranh vẽ, nàng chọn chỗ vắng hạ lệnh dừng thuyền, lên bờ ngắm cảnh.

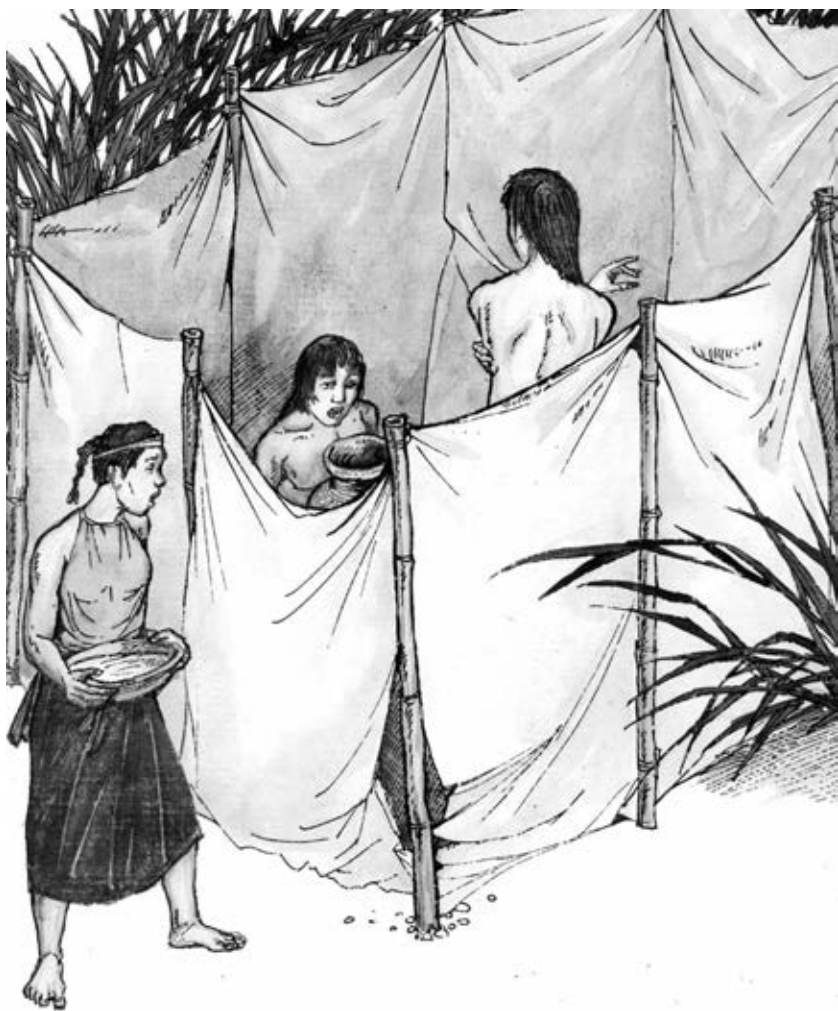


Nàng lên bãi, thấy chiếc dậm và chiếc đọt của ai vút trên cát, liền lại gần cầm xem và sai người dậm thử để nàng biết cách sử dụng. Cứ thế, vừa dạo chơi, Tiên Dung vừa háo hức tìm hiểu cách thức đánh bắt cá mà lần đầu tiên nàng mới được biết.



Sau khi dạo chơi đã mỏi, nàng quay về thuyền. Thấy bến sông rộng rãi sạch sẽ, nàng sai thị nữ đun nước thơm và chọn nơi râm mát kín đáo vây màn để tắm.





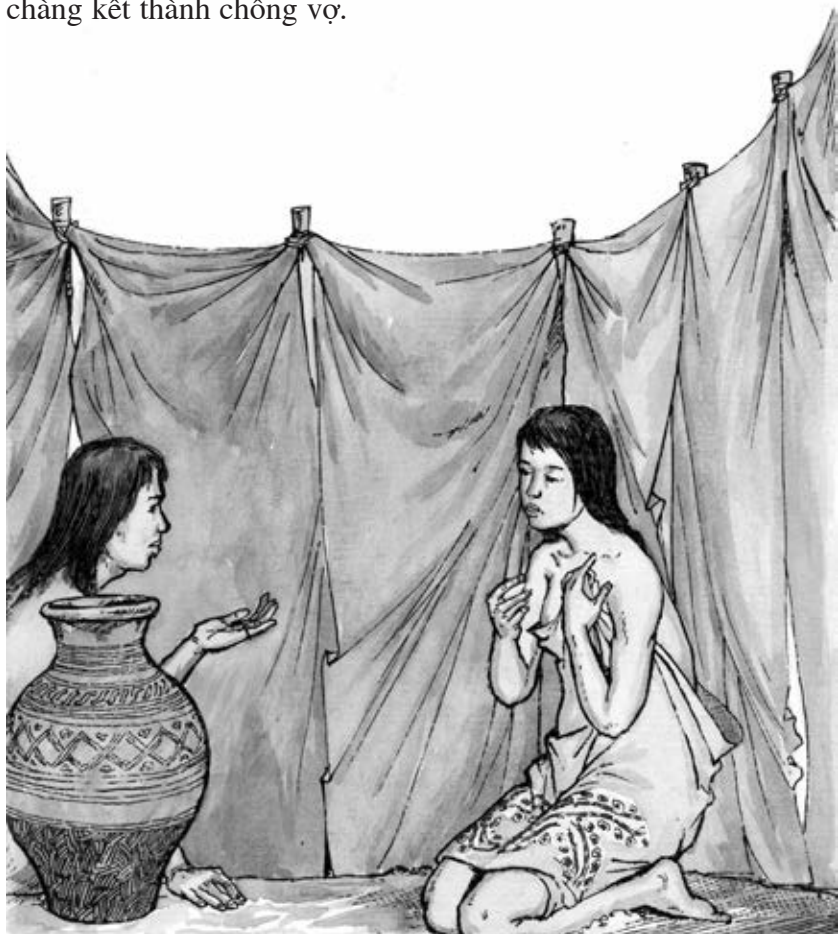
Không ngờ, nơi Tiên Dung quây màn tắm lại đúng nhằm vào chỗ Chử Đồng Tử vùi mình. Nãy giờ chàng vẫn phủ cát nằm im lòng đầy lo sợ, bất chợt thấy nước xối xuống ào ào trôi hẵn lớp cát trên người, chàng hoảng hốt ngồi dậy.

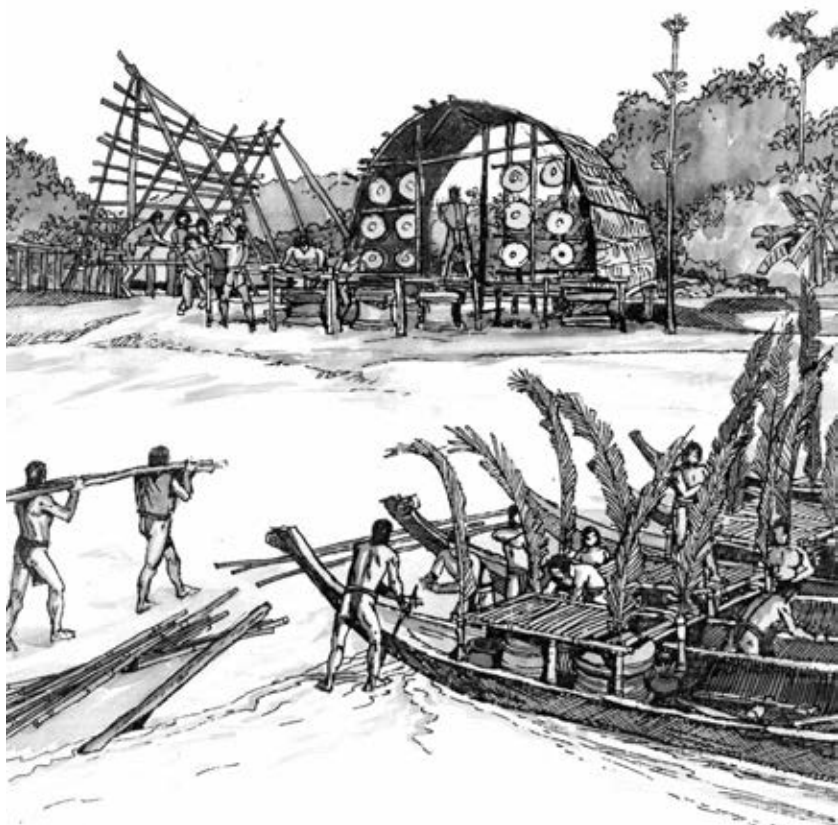
Kinh ngạc vì thấy một chàng trai bất ngờ từ dưới đất chui lên, Tiên Dung hoảng hốt định kêu cứu. Nhưng thấy vẻ mặt chàng trai hiền lành lại cùng đang hoảng hốt khầu đầu xin tha mạng, nàng trấn tĩnh lại. Cảm thấy có gì đó éo le, nàng bèn hỏi rõ sự tình.



Câu chuyện của Chữ Đồng Tử khiến Tiên Dung vô cùng thương cảm. Nàng không ngờ trên đất nước cha nàng trị vì lại có người nghèo đến nỗi không có cả chiếc khố che thân. Tin vào sự sắp đặt của Trời Phật, xúc động trước lòng hiếu thảo của chàng trai, nàng nói:

- Ta đã nguyện không lấy chồng, một đời ngao du sơn thủy, nay gặp chàng thế này hẳn là duyên Trời run rủi, xin được cùng chàng kết thành chồng vợ.

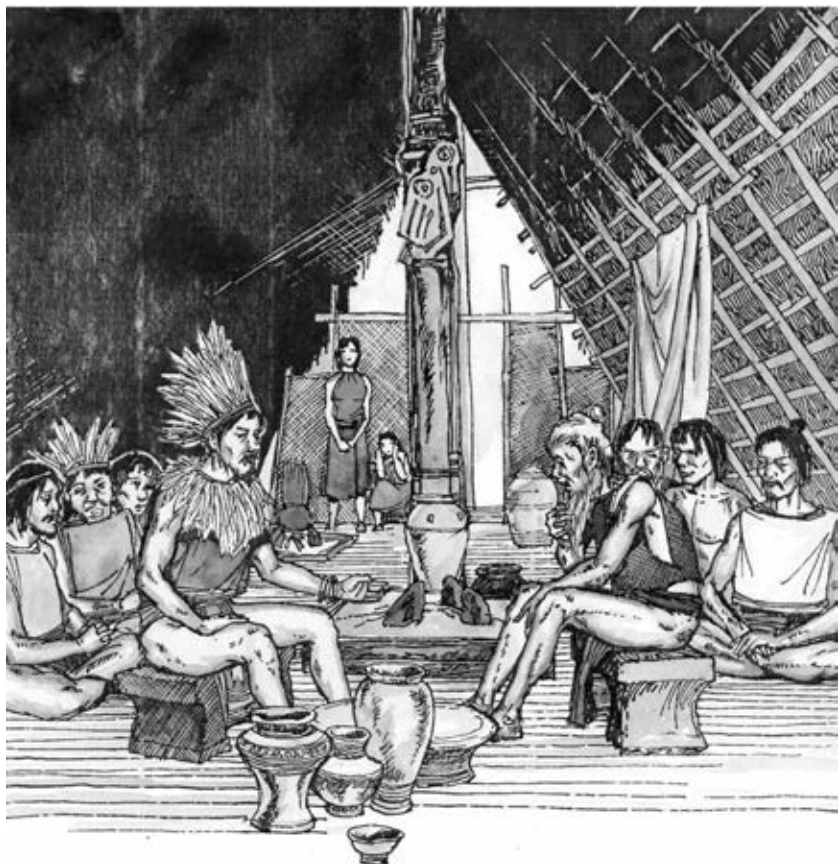




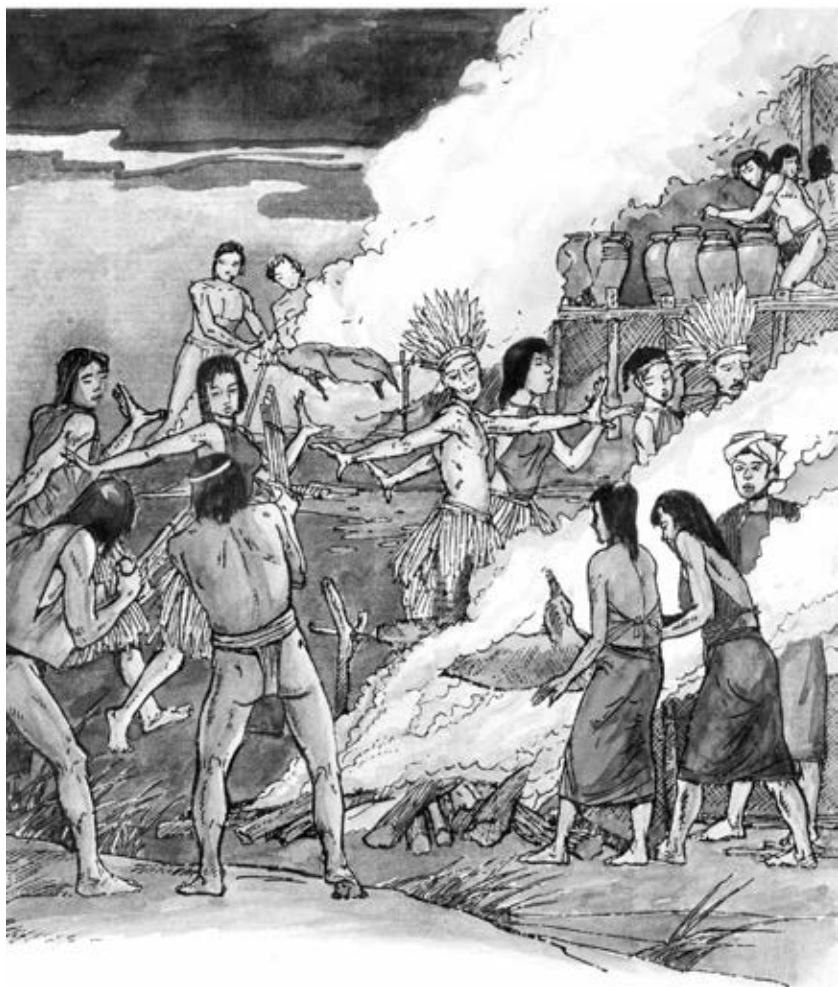
Trở về thuyền, Tiên Dung sai người đem khố áo cho Chử Đồng Tử. Nàng lại năn nỉ chú mình đến gặp Bố chính và các bộ lão Chử Xá để bàn chuyện hôn nhân. Nàng cũng sai quân hầu, thị nữ kết thuyền trên sông, dựng rạp trên bãi để chuẩn bị cho lễ cưới.

Mặc dù lâu nay nhà vua có lệnh cấm con cái nhà thường dân lấy con cái nhà quyền quý, nhưng thương tình cháu gái, lại thấy nàng xưa nay được vua Hùng yêu chiều nên vị Lạc hầu đành phải chấp nhận. Ông dẫn theo người hầu hạ mang lễ vật đi vào làng.





Trên căn nhà sàn rộng rãi là nơi hội họp của dân làng, vị Bố chính họ Chử cùng các bô lão lắng nghe cuộc gặp gỡ kỳ ngộ giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử. Ai nấy đều rất vui mừng. Bố chính ra lệnh đánh trống đồng tụ tập dân làng để lo chuyện đám cưới cho đôi trai gái.



Đêm đó trên bến sông làng Chử, một đám cưới tung bùng chưa từng có. Đèn đuốc sáng cả một khoảng sông. Tiếng trống tiếng nhạc vang lừng xen lẫn tiếng cười nói ríu rít của đám trẻ cùng tiếng hò hát của các cô gái chàng trai đang làm bánh, nướng thịt.

Trên khoang thuyền lộng lẫy, Lạc hầu, Bố chính cùng các bô lão ngồi quanh những vò rượu nếp cái tỏa hương thơm ngát. Cạnh đó là Chủ Đồng Tử đang sánh vai cùng Tiên Dung để cho dân làng lần lượt buộc vào tay những sợi chỉ đỏ cầu chúc hạnh phúc. Chàng mặc một chiếc khố có những hoa văn đẹp mắt, chiếc khố đầu tiên trong đời của chàng mà tưởng như mình đang nằm mơ.



Tin Mỹ nương Tiên Dung lấy người trai đánh dạm nghèo khổ lập tức bay về kinh đô. Vua Hùng nổi giận sai người triệu hồi đoàn thuyền của Tiên Dung về triều ngay lập tức. Tiên Dung sợ cha trị tội đành xin ở lại Chử Xá cùng Chử Đồng Tử và bà con dân làng.



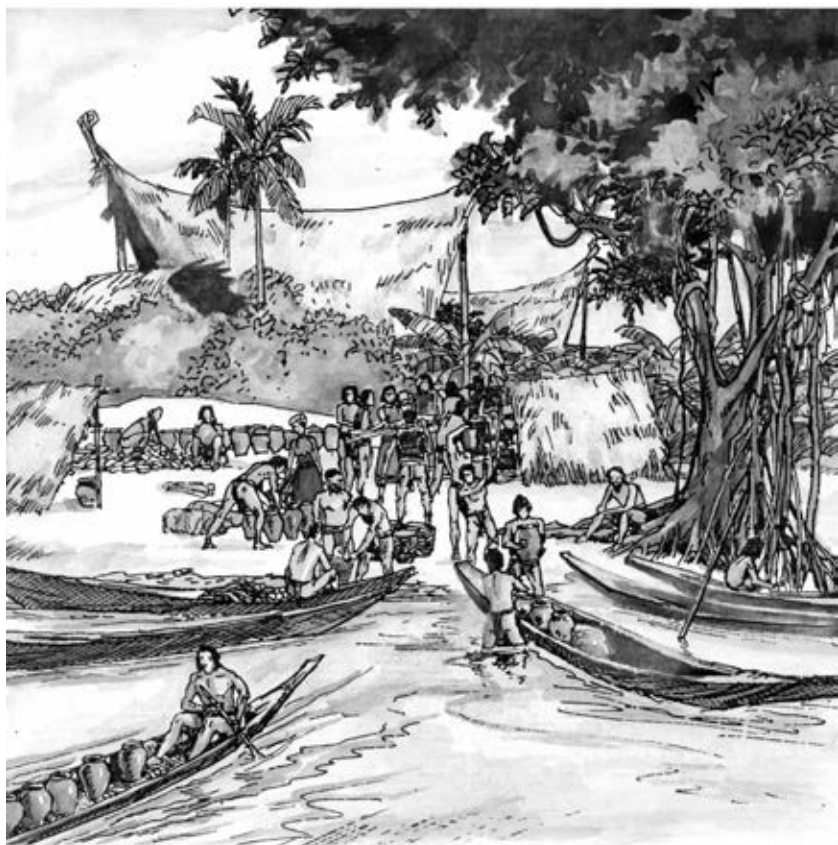
Với tài tháo vát và trí thông minh, Tiên Dung nhanh chóng làm quen với cuộc sống nơi thôn quê. Ngày ngày Chủ Đồng Tử ra sông bắt cá để nàng đổi gạo muối và các vật dụng khác. Còn thừa, nàng học cách làm mắm^(*). Nhờ đã đi nhiều nơi, học hỏi nhiều kinh nghiệm, mắm cá của nàng làm ngon hơn hẳn những người khác.

^(*) Đó là món ăn phổ biến của dân Lạc Việt hồi ấy.



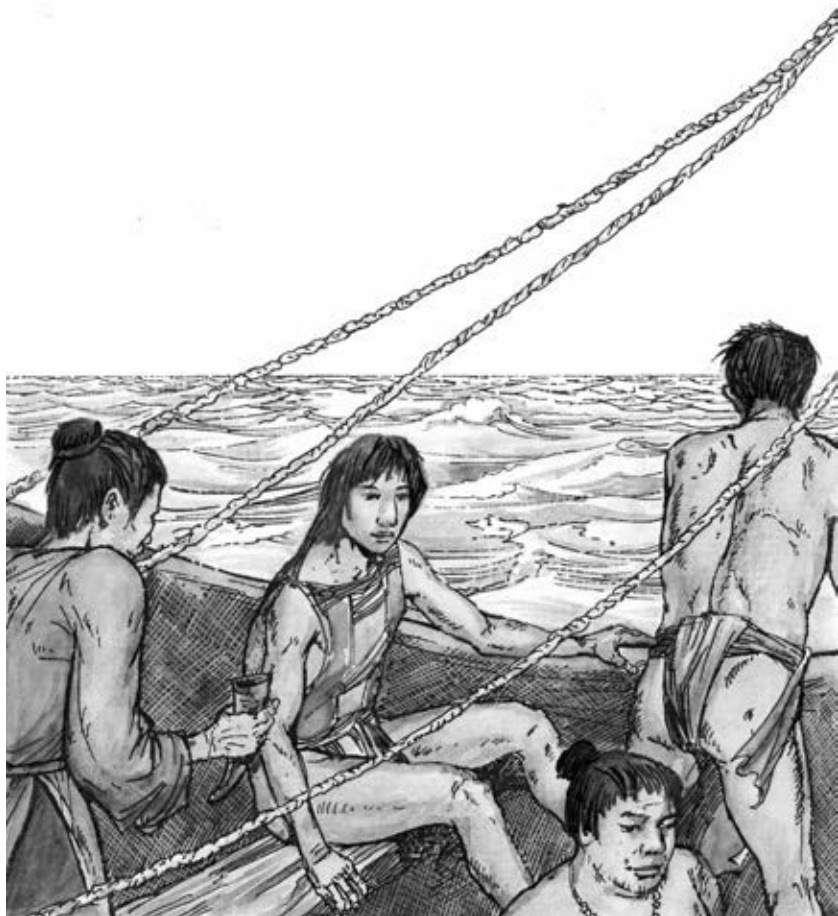
Tiếng đồn về nàng My nương ở lại nhà chồng sống đời dân dã, lại giỏi giang tháo vát hơn người khiến thuyền bè các nơi thường xuyên ghé bến vừa để đổi mắm, vừa để có dịp làm quen với nàng Tiên Dung xinh đẹp.



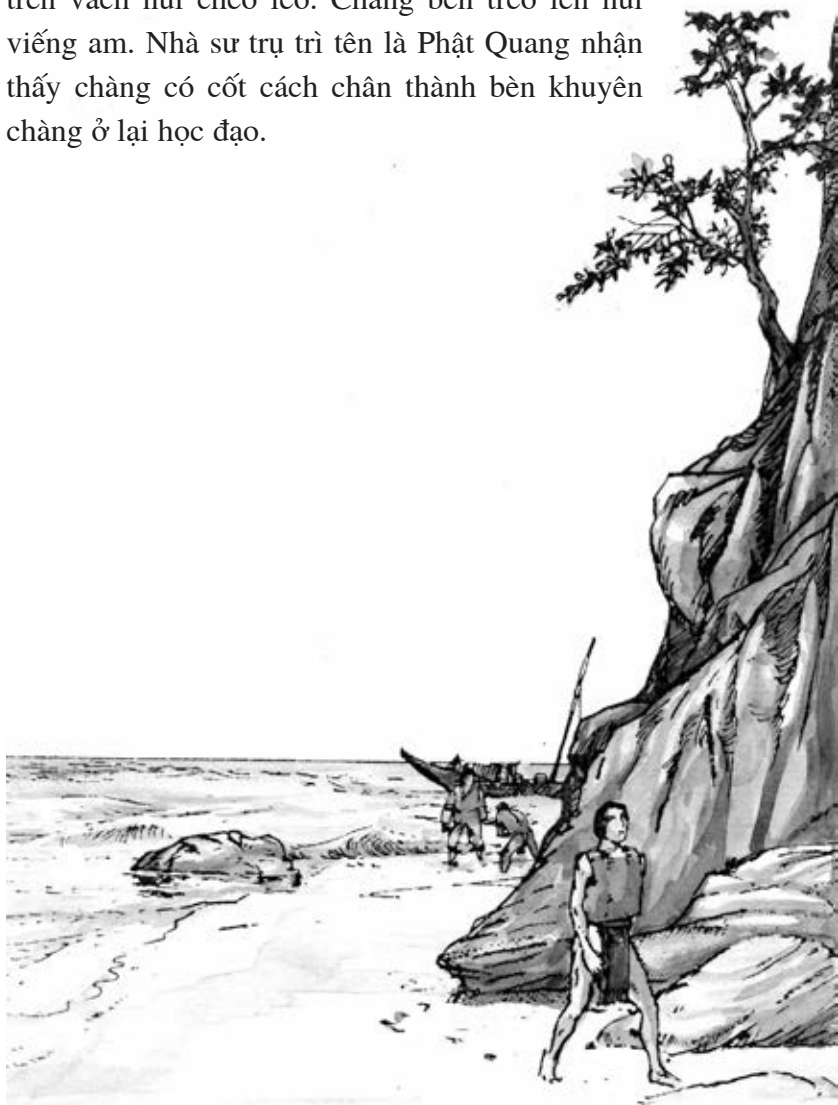


Tiên Dung bèn lập ngay một khu chợ ở ven sông để dân làng tiện trao đổi các sản vật. Khu chợ đó có tên là chợ Thám (hay còn gọi là chợ Hà Lương, thuộc huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Chẳng bao lâu sau, Chử Xá trở nên giàu có. Nơi bến sông của làng không chỉ thuyền buôn trong nước mà cả thuyền buôn nước ngoài tấp nập tới lui.

Một hôm có người khách từ phương xa tìm đến viếng thăm Chữ Xá và tìm gặp Tiên Dung. Khách hết lời khen ngợi tài trí của nàng và khuyên nàng cho người mang sản vật của làng đi tới những nơi xa trao đổi làm giàu cho dân làng. Nàng nghe theo, để chồng đi cùng các thương khách.



Trên đường ra biển, thuyền dừng lại một nơi phong cảnh núi non tuyệt đẹp để lấy nước ngọt. Chủ Đồng Tử chợt nhìn thấy một am nhỏ cổ kính trên vách núi cheo leo. Chàng bèn trèo lên núi viếng am. Nhà sư trụ trì tên là Phật Quang nhận thấy chàng có cốt cách chân thành bèn khuyên chàng ở lại học đạo.

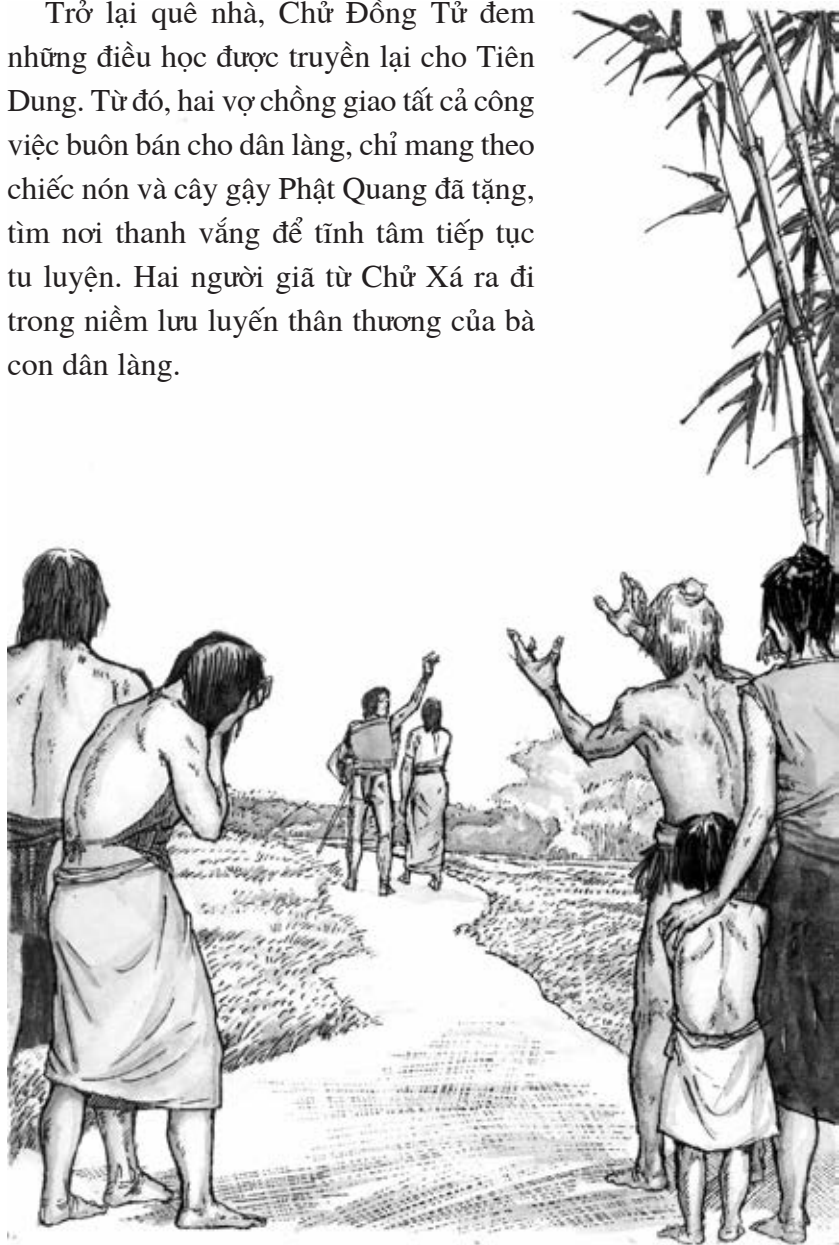


Chữ Đồng Tử bỏ dở cuộc hành trình, lưu lại am. Chàng theo Phật Quang học đạo và rèn luyện các phép thần thông nhiệm màu. Sau hơn một năm học hành thông tuệ, chàng xin trở lại quê nhà. Khi chia tay, Phật Quang trao cho chàng một cây gậy và chiếc nón dạn rằng:

- Phép biến hóa là ở cây gậy này. Xin hãy giữ lấy phòng thân.



Trở lại quê nhà, Chử Đồng Tử đem những điều học được truyền lại cho Tiên Dung. Từ đó, hai vợ chồng giao tất cả công việc buôn bán cho dân làng, chỉ mang theo chiếc nón và cây gậy Phật Quang đã tặng, tìm nơi thanh vắng để tĩnh tâm tiếp tục tu luyện. Hai người già từ Chử Xá ra đi trong niềm lưu luyến thân thương của bà con dân làng.



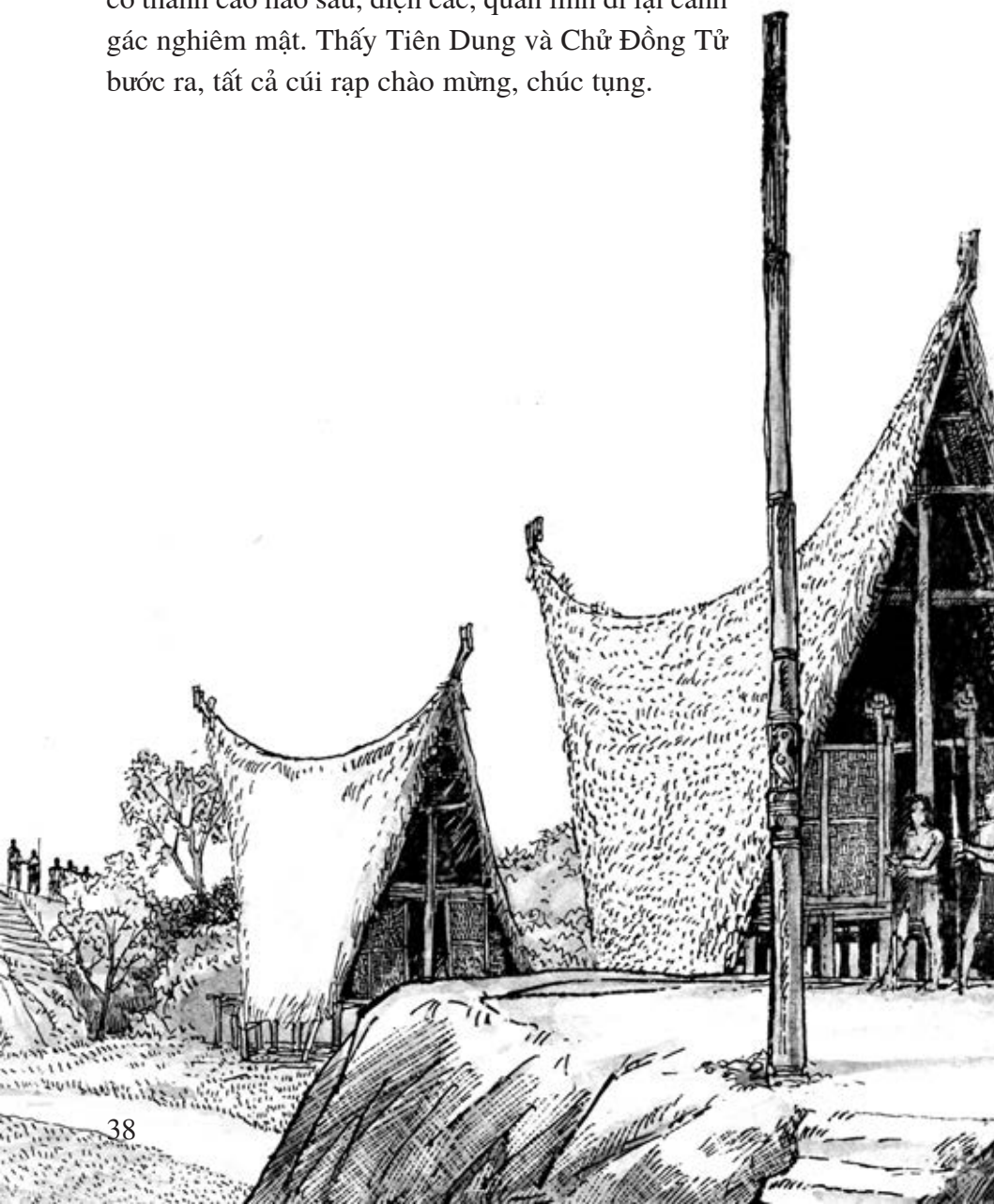
Trên đường đi, một hôm hai vợ chồng đến một bến sông lạ, cảnh vật hoang vu quanh quẽ không một bóng người, một mái lá. Thấy trời đã sập tối, hai vợ chồng đành cắm gậy xuống đất, che nón lên trên rồi tựa lưng nhau ngồi ngủ qua đêm.





Sáng hôm sau, chợt thức giấc, Tiên Dung và Chử Đồng Tử thấy mình đang nằm trong một cung điện lộng lẫy, màn che trướng rủ không khác gì cung điện của vua cha. Xung quanh là các tiểu đồng thị nữ đang cung kính chờ sai bảo hầu hạ.

Bước ra bên ngoài, hai người càng thêm ngạc nhiên vì nơi đây là một tòa lâu đài nguy nga tráng lệ, có thành cao hào sâu, điện các, quân lính đi lại canh gác nghiêm mật. Thấy Tiên Dung và Chủ Đồng Tử bước ra, tất cả cúi rạp chào mừng, chúc tụng.





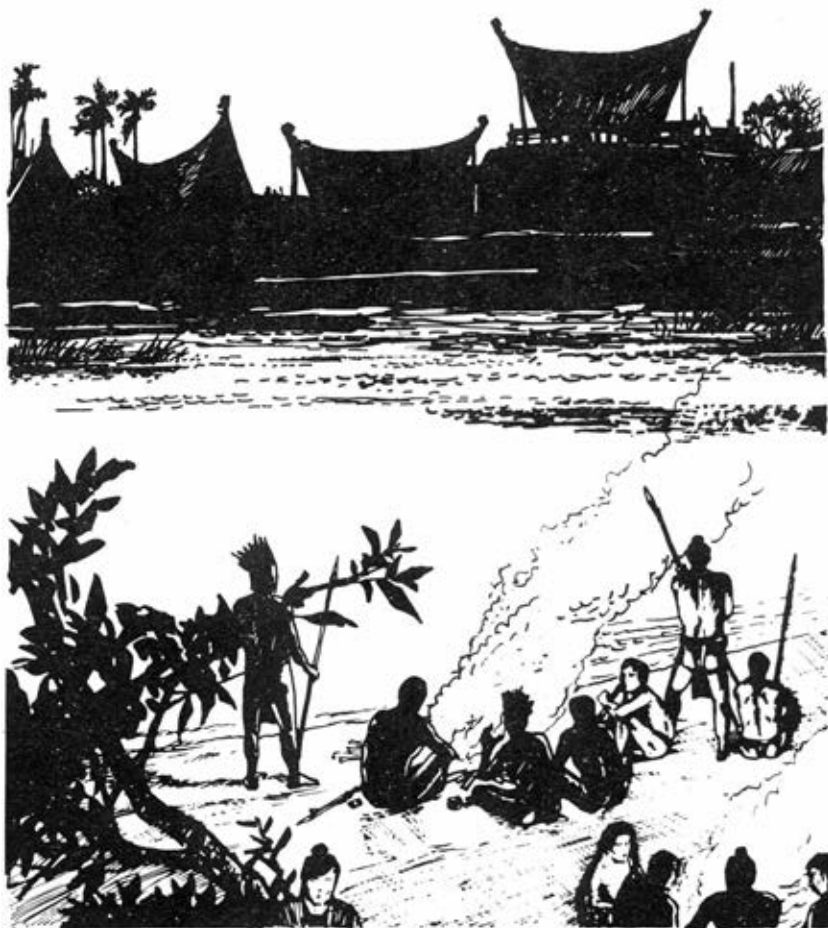


Dân trong vùng thấy sự lạ, tòa lâu đài được dựng lên chỉ trong một đêm, bèn nô nức mang lễ vật đến xin hai vợ chồng Tiên Dung – Chủ Đồng Tử che chở. Từ đó, hai người ở lại dạy cho dân tìm lá thuốc chữa bệnh.

Ít lâu sau, tiếng đồn về tòa lâu đài đến tai vua Hùng. Nghi ngờ Tiên Dung và Chử Đồng Tử có ý mưu phản, nhà vua bèn sai quân đi đánh dẹp. Quân lính nhà vua cõng trống mỗ, ngựa xe đông đảo lên đường nhắm hướng lâu đài của vợ chồng Tiên Dung trực chỉ. Bụi bay mù mịt cả một góc trời khiến dân cư hai bên đường hoảng loạn.



Đến gần tòa lâu đài của Tiên Dung và Chử Đồng Tử, trời đã tối mịt, không sao sang sông được. Quân lính nhà vua đành hạ trại nghỉ lại bên này sông chờ trời sáng.



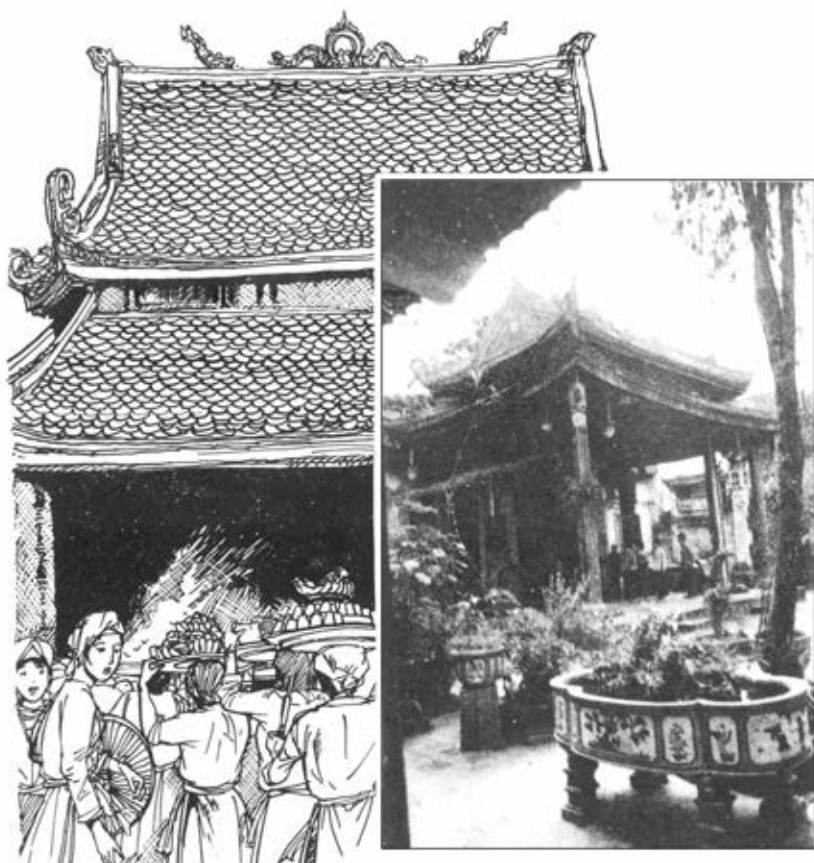


Trong khi đó, bên lầu đài của Tiên Dung – Chử Đồng Tử mọi sinh hoạt vẫn bình thường như không hề có chuyện gì xảy ra. Nhưng đến nửa đêm hôm đó trời bỗng nổi giông tố, sấm sét vang lừng, cát bay cây đổ. Rồi một cơn gió mạnh ào qua cuốn cả tòa lầu đài cùng quân lính, người hầu kẻ hạ và Tiên Dung – Chử Đồng Tử bay vút lên trời.

Sáng ra, khi quân lính nhà vua thức giấc chuẩn bị sang sông mới nhận ra bên kia sông chẳng có tòa lâu đài thành quách nào. Họ dụi mắt nhìn mãi, nhìn mãi chỉ thấy một bãi đất hoang nổi lên giữa đầm lầy cỏ lác mọc ken dày.



Dân gian biết chuyện lấy làm lạ bèn gọi bãi hoang ấy là bãi Tự Nhiên, còn đầm nước vây quanh là đầm Nhất Dạ hoặc đầm Một Đêm. Mọi người truyền tụng câu chuyện Tiên Dung – Chử Đồng Tử và lập miếu thờ ngay trên bãi đất hoang. Đến nay dấu vết vẫn còn ở vùng Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.



Ảnh Đền thờ Tiên Dung - Chử Đồng Tử

Muốn vào bãi Tự Nhiên phải dùng thuyền độc mộc rẽ lau lách cỏ rậm vượt qua đầm Nhất Dạ theo những lạch nước chằng chịt. Địa thế nơi đây vô cùng hiểm yếu. Nhờ vậy mà đến năm 545 sau Công nguyên, Triệu Quang Phục^(*) đã chọn Dạ Trạch làm căn cứ kháng chiến chống quân nhà Lương suốt ba năm ròng rã. Quân Lương rất sợ và gọi ông là Dạ Trạch Vương (Vua Đầm Đêm).

** Về Triệu Quang Phục sẽ có truyện riêng ở các tập sau. Ở đây chỉ giới thiệu để thấy đầm Nhất Dạ thực sự tồn tại.*

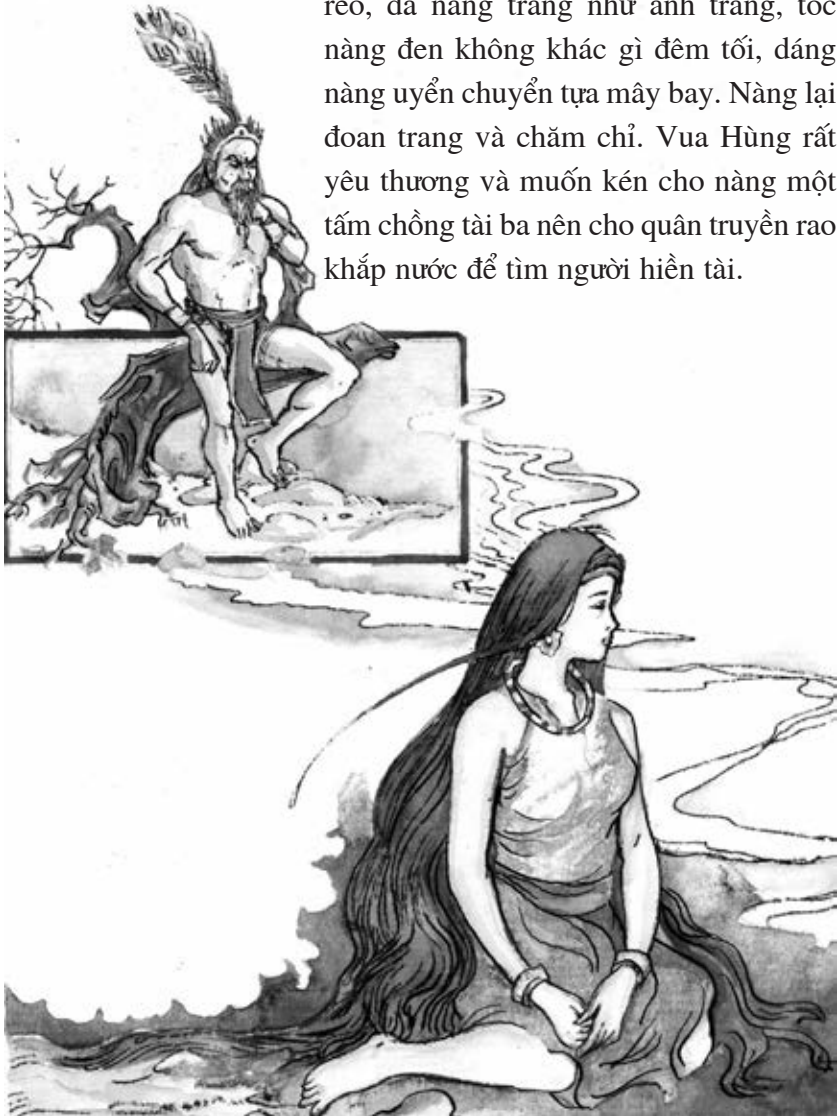




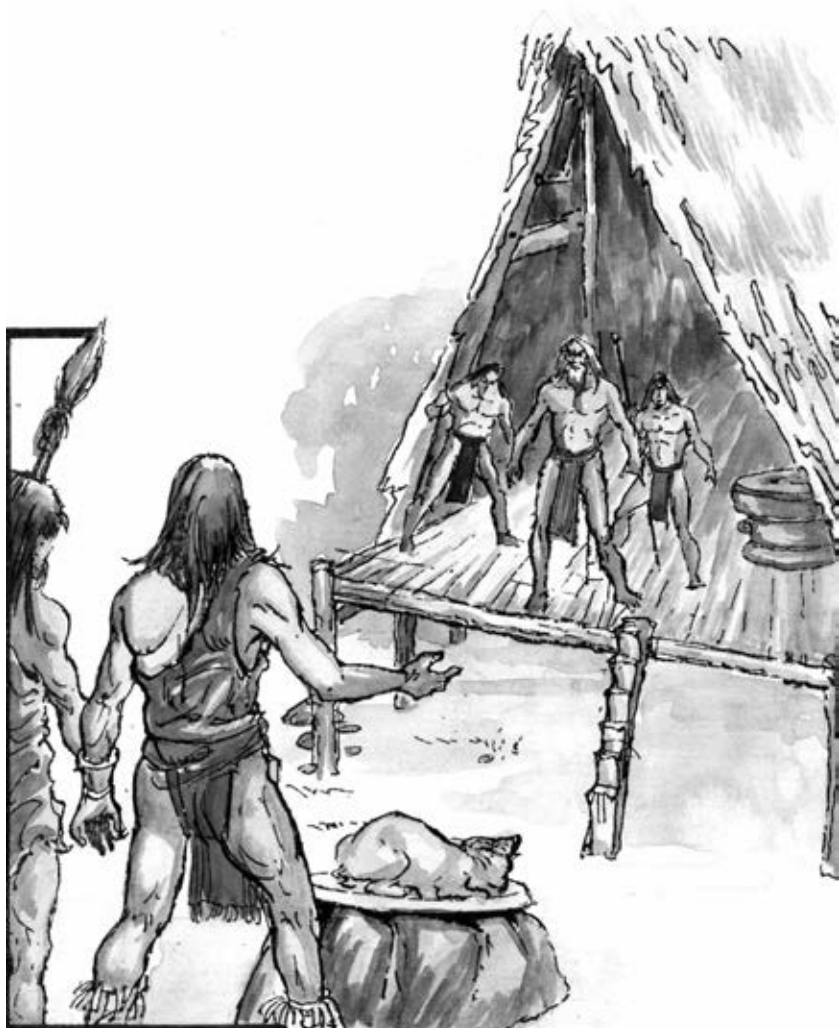
SƠN TINH THỦY TINH



Hùng Vương thứ mười tám có nàng
Mỹ nương tên là Ngọc Hoa nhan sắc
tuyệt trần. Tiếng nàng trong như suối
reo, da nàng trắng như ánh trăng, tóc
nàng đen không khác gì đêm tối, dáng
nàng uyển chuyển tựa mây bay. Nàng lại
đoan trang và chăm chỉ. Vua Hùng rất
yêu thương và muốn kén cho nàng một
tấm chồng tài ba nên cho quân truyền rao
khắp nước để tìm người hiền tài.



Nghe tin vua Hùng kén rể, Thục Vương, thủ lĩnh nước Tây Âu lảng giềng cho một đoàn người đem nhiều lễ vật đến xin cưới. Họ dâng lên vua Hùng nào xà cừ, nào chiêng ché, nào trâu, bò, gà, lợn, nhiều không kể xiết.





Vua Hùng có ý bằng lòng, nhưng các Lạc hầu can rằng: “Thục Vương hay quấy nhiễu biên cương, có ý dòm ngó nước ta. Vả lại, họ Thục cũng đã già còn Mỵ nương thì như tiên nữ. Phải là người trẻ trung và có đủ tài đức mới xứng. Không nên ưng thuận”. Vua Hùng nghe lời, từ chối không nhận Thục Vương làm rể. Thục Vương tức giận vô cùng, dặn con cháu sau này phải diệt trừ nước Văn Lang để rửa nhục. Từ đó, Tây Âu và Văn Lang hiềm khích với nhau.

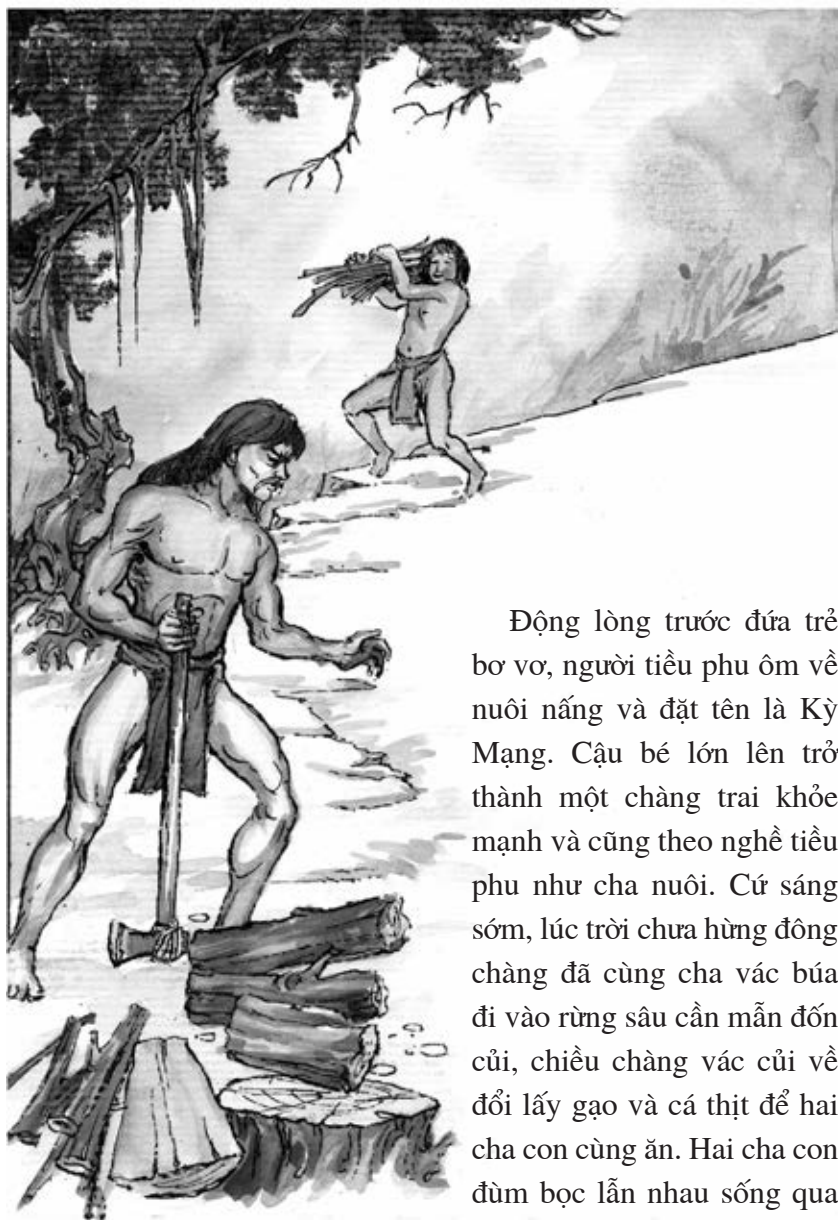
Một hôm, có hai chàng trai cùng lúc đến cầu hôn Ngọc Hoa. Vua lấy làm lạ, hỏi lai lịch cả hai người.

Một chàng là Sơn Tinh, sống ở núi rừng. Chàng có một quá khứ bí ẩn và oai hùng. Không ai biết cha mẹ của chàng là ai. Chỉ biết chàng có một người cha nuôi làm tiểu phu. Người tiểu phu ấy đã tìm thấy chàng trong một trường hợp lạ lùng. Hôm ấy, người tiểu phu phải đi vào rừng sâu tìm củi, bỗng nghe tiếng trẻ khóc.

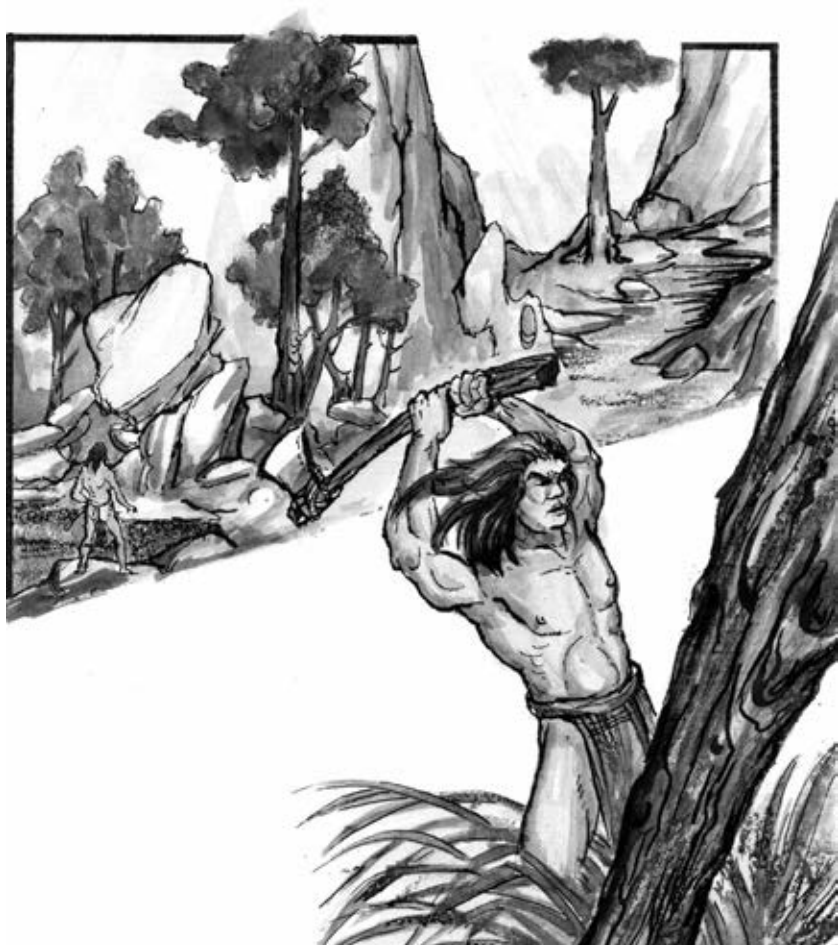




Ông lần theo tiếng khóc và thấy một con dê đang búi đồng cỏ khô để lộ ra một bé trai bị bầm. Dê nằm xuống và đưa bé hấu đói rúc vào bầu sữa dê bú lấy bú để. Bé bú xong, dê vừa quay lưng đi, lại có một đàn chim Quyên sà xuống. Từng con chim chấp chới cánh tha cỏ khô nhẹ nhàng đắp lại cho bé, chỉ chừa trống khuôn mặt đỉnh ngộ. Vô cùng kinh ngạc, người tiều phu tiến lại gần thì bé lại nhìn ông cười ngây thơ rất dễ thương.



Động lòng trước đứa trẻ bơ vơ, người tiểu phu ôm về nuôi nấng và đặt tên là Kỳ Mạng. Cậu bé lớn lên trở thành một chàng trai khỏe mạnh và cũng theo nghề tiểu phu như cha nuôi. Cứ sáng sớm, lúc trời chưa hừng đông chàng đã cùng cha vác búa đi vào rừng sâu cần mẫn đốn củi, chiều chàng vác củi về đổi lấy gạo và cá thịt để hai cha con cùng ăn. Hai cha con đùm bọc lẫn nhau sống qua ngày tháng.



Một hôm, Kỳ Mạng một mình đi vào sâu trong rừng để kiếm một cây cao đem về sửa căn nhà sàn của hai cha con. Đi mãi, đi mãi mới tìm được một cây vừa ý. Cây thẳng và cao tít tưởng chừng như đứng mây. Chàng hớn hở ra sức chặt. Chặt từ sáng đến tối thì gần xong. Chàng quay về nhà định bụng ngày mai sẽ trở lại sớm để đốn hạ tiếp. Nhưng kỳ lạ thay, sáng hôm sau, khi chàng trở lại, cây đã liền da thịt như chưa hề có một nhát búa nào.



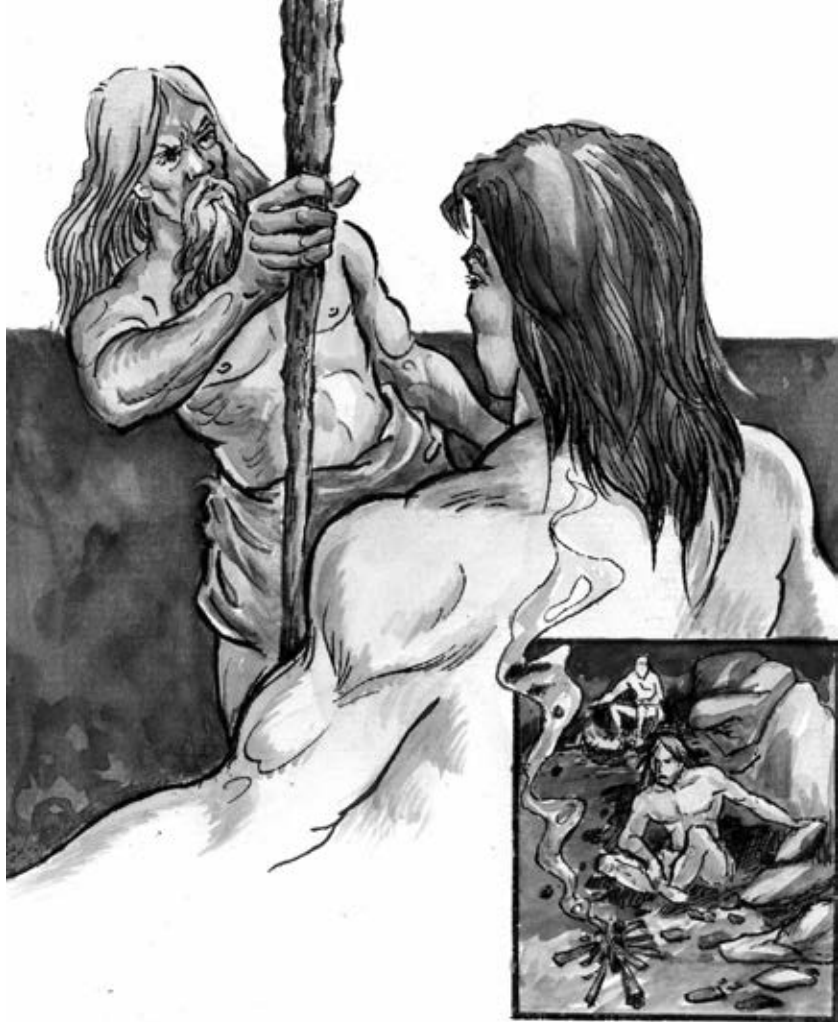
Kỳ Mạng lại hì hục đốn đẵn. Làm cột lực đến tối vẫn chưa xong. Sáng hôm sau chàng trở lại, cây vẫn nguyên vẹn như chưa hề bị đụng tới. Vẫn không nản chí, chàng bắt tay lại từ đầu và đến tối thì nghỉ. Nhưng lần này chàng không quay về nhà mà trèo lên cây bên cạnh để qua đêm và cũng để tìm hiểu xem vì sao cây lại tự liền lại như vậy.



Đến nửa đêm bỗng một ông già chống gậy, tóc bạc phơ xuất hiện. Ông cầm gậy chỉ vào cây, đi một vòng xung quanh, tự nhiên những vết chặt biến mất. Cây lại như cũ. Kỳ Mạng vội vàng tụt xuống kêu lên:

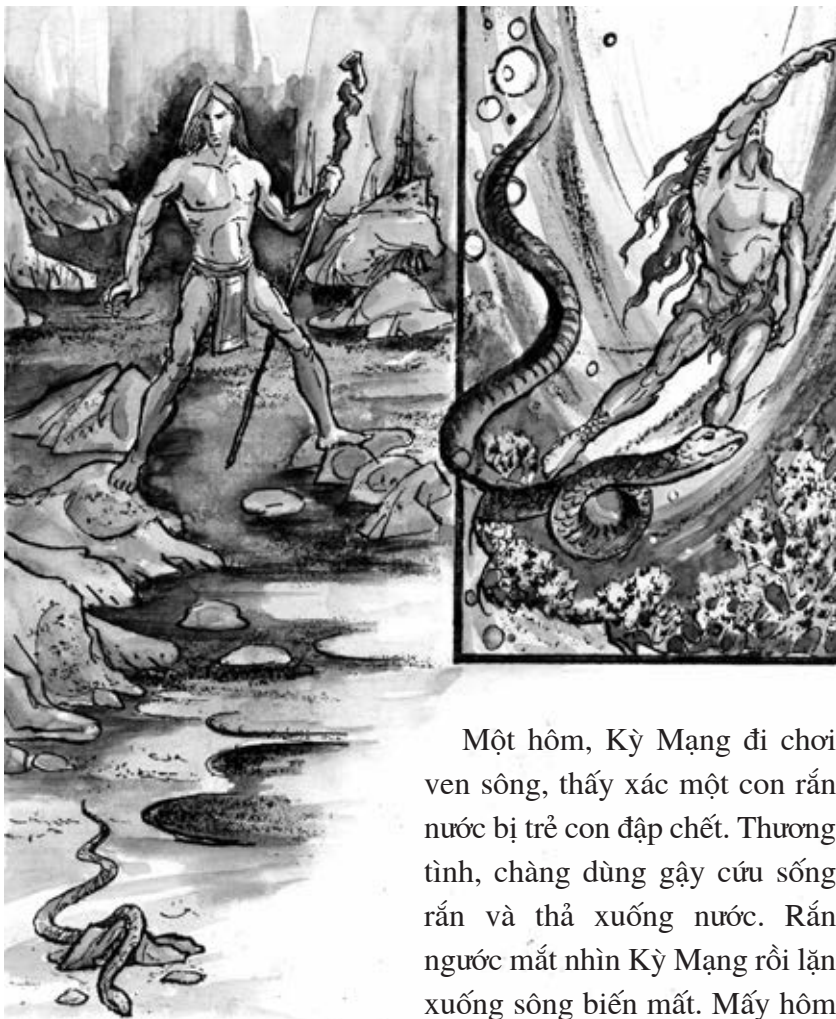
- Ông ơi, công lao ba ngày khó nhọc của cháu mà ông lạiỡ phá đi?

- Ta là thần Thái Bạch đây, ta không muốn người chặt cây bừa bãi như thế!



- Nhưng thế thì cháu phải sinh sống làm sao?
- Đây, ta cho ngươi cây gậy thần cứu nhân độ thế.

Nói đoạn, thần Thái Bạch đưa cho chàng cây gậy phép và biến mất. Từ đó chàng dùng gậy thần cứu giúp những người bệnh hoạn, ốm đau. Khi lành bệnh, tuy họ không trả công cho chàng bằng những mẩu xà cừ lấp lánh nhưng thường mang đến khi gùi gạo, khi con gà rừng. Nhờ thế cuộc sống của hai cha con cũng dễ chịu hơn.



Một hôm, Kỳ Mạng đi chơi ven sông, thấy xác một con rắn nước bị trẻ con đập chết. Thương tình, chàng dùng gậy cứu sống rắn và thả xuống nước. Rắn ngược mắt nhìn Kỳ Mạng rồi lặn xuống sông biến mất. Mấy hôm sau có một chàng trai tuấn tú đem nhiều châu báu đến tặng Kỳ Mạng và tự xưng là Tiểu Long hầu, cháu nối đời của Lạc Long Quân tức là hậu duệ^(*) của một trong 50 người con trai ở lại động nước với Lạc Long Quân xưa kia.

^{*} *Hậu duệ là con hoặc cháu thuộc thế hệ sau.*



Tiểu Long hầu chuyển lời tạ ơn của cha mẹ đến Kỳ Mạng vàng mời chàng xuống thủy cung chơi. Kỳ Mạng thốt lên:

- Ta là người phàm, làm sao đi xuống nước được?

- Xin ân nhân đừng ngại. Đây là chiếc văn tê, nó sẽ giúp người đi dưới nước cũng như đi trên cạn vậy.

Nói đoạn Tiểu Long hầu đưa cho Kỳ Mạng một chiếc sừng tê giác đen bóng.



Chiếc vãn tê quả thật linh nghiệm. Kỳ Mạng đi đến đâu, nước rẽ hai bên dẫn bước chàng đi. Chẳng mấy chốc lâu đài cung điện nguy nga đã hiện ra. Đó là thủy cung. Tại đây, Kỳ Mạng được Long Vương tiếp đãi nồng hậu, cho bày yến tiệc linh đình để chàng thưởng thức các món ngon vật lạ của chốn thủy cung. Tiểu Long hầu còn dẫn chàng đi thăm thú các nơi trong vương quốc dưới nước này.



Cảnh vật dưới bể quả là kỳ diệu làm cho Kỳ Mạn hết sức thích thú. Cũng đồi, cũng núi, cũng hang động nhưng tất cả đều lung linh ánh nước cầu vồng. Từng đàn cá đủ màu sắc, đủ hình thù lạ lùng lượn lập lòe xuyên qua các rừng san hô đỏ au mênh mông. Những chùm rong biển uốn éo theo làn nước tưởng chừng như các tiên nữ đang múa khúc nghê thường. Đâu đây văng vẳng tiếng ca trong trẻo của các nàng mỹ nhân ngư. Cuộc sống dưới nước quả là mộng ảo.





Khi từ già thủy cung, Kỳ Mạng được Long Vương tặng cho một cuốn sách ước để đền ơn. Sách ước có bìa bằng mu rùa, trong chỉ có ba tờ bằng da cá. Tờ thứ nhất là Hỏa, tờ thứ hai là Mộc, tờ thứ ba là Kim. Còn một tờ thứ tư nữa. Đó là tờ Thủy nhưng Long Vương giữ lại vì tờ Thủy là quyền lực đối với nước. Mà nước là vương quốc của Long Vương, không thể lọt vào tay người phàm được.



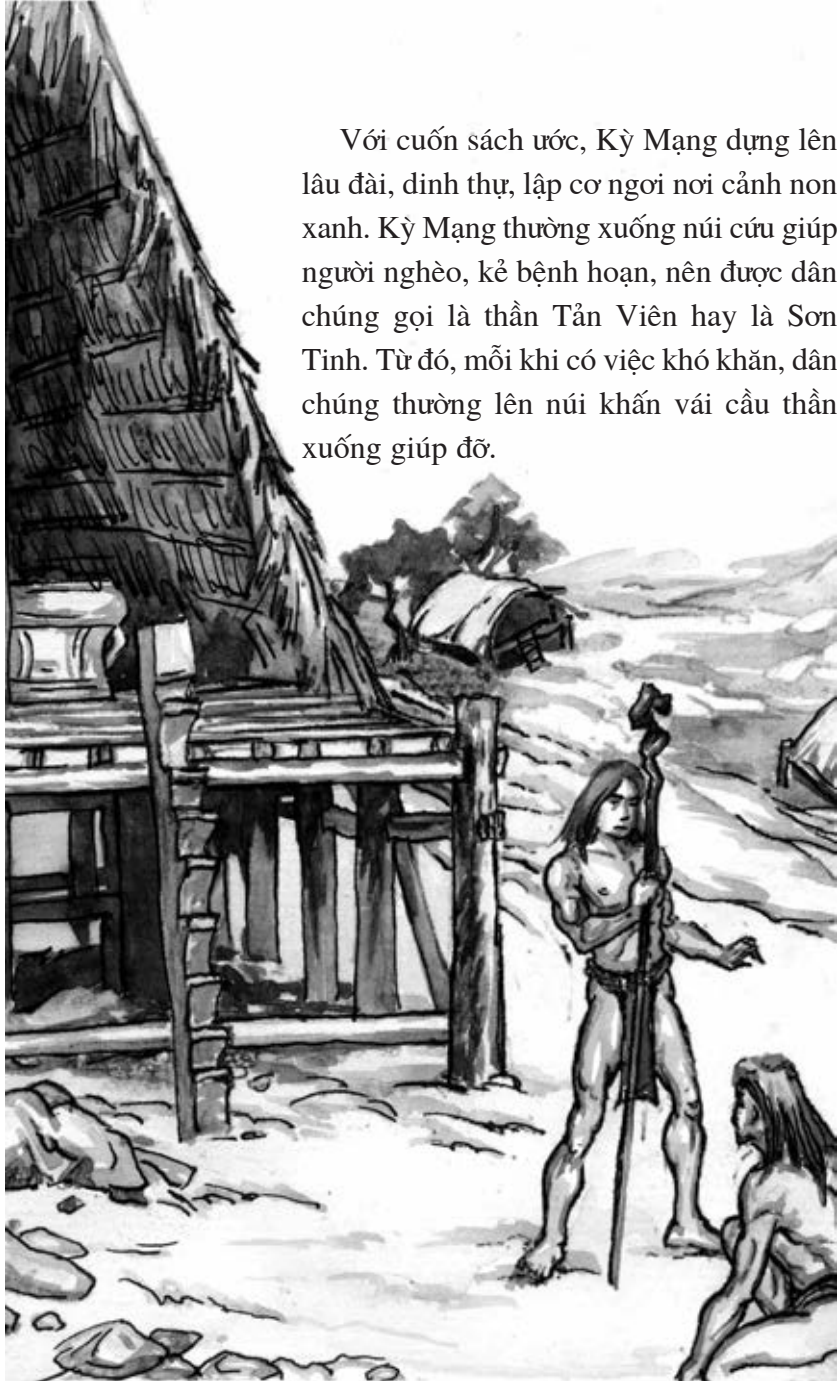
Kỳ Mạng mở sách xem linh nghiệm ra sao. Chàng để tay lên trang Hỏa, sấm sét nổi lên, để tay lên trang Mộc, rừng cây di chuyển, để tay lên trang Kim, đồng sắt xuất hiện. Kỳ Mạng mừng rỡ vô cùng, từ tạ Long Vương cùng Tiểu Long hầu trở về.

Từ khi có cuốn sách ước, Kỳ Mạng không ở một chỗ nữa, chàng từ biệt cha đi đây đi đó để giúp đời.



Sau một thời gian lang thang khắp nơi, một hôm Kỳ Mạng đi qua cửa bể Thần Phù, theo dòng sông đi ngược lên một ngọn núi. Núi cao gồm có ba ngọn đứng xếp hàng, cho nên núi có tên là Ba Vĩ (Son Tây). Hòn núi ở giữa có đỉnh tròn như cái tàn, vì thế có tên là Tản Viên (do dân chúng gọi trại chữ “tàn” ra chữ “tản”). Thấy thế núi hùng vĩ, Kỳ Mạng quyết định dừng chân ở hẳn tại đây.

Với cuốn sách ước, Kỳ Mạng dựng lên lâu đài, dinh thự, lập cơ ngơi nơi cảnh non xanh. Kỳ Mạng thường xuống núi cứu giúp người nghèo, kẻ bệnh hoạn, nên được dân chúng gọi là thần Tản Viên hay là Sơn Tinh. Từ đó, mỗi khi có việc khó khăn, dân chúng thường lên núi khấn vái cầu thần xuống giúp đỡ.



Sau khi an cư, được tin vua Hùng kén rể, lại biết rằng Ngọc Hoa con gái vua Hùng là người xinh đẹp nốt na, Sơn Tinh rất ưng ý liền xuống núi đem trâu cau đến xin cầu hôn.



Còn chàng kia là Thủy Tinh, hoàng tử yêu của Long Vương, vốn là người được ngài trao cho tờ Thủy để nắm mọi quyền lực ở dưới nước với ý định sẽ kế vị ngài. Bởi vậy, Thủy Tinh cũng là người kỳ tài, hô phong hoán vũ không ai bằng. Tuy biết Sơn Tinh được cha mình trọng đãi nhưng vốn hiếu thắng chàng không hề có ý định nhường bước.





Đứng trước hai chàng trai dũng mãnh, vua Hùng không biết lựa chọn cách nào. Vua than lên:

- Ta có một gái há dễ được hai rể hiền?

Sau khi bàn bạc với các Lạc hầu, vua bèn cho hai bên so tài.



Sơn Tinh chỉ tay về đằng đông, lúa xanh mọc lên, chỉ tay về đằng tây, núi cao sụp đổ. Chàng ra vào trong đá như chỗ không người khiến mọi người vô cùng thần phục.

Riêng nàng Ngọc Hoa này giờ e lệ đứng nép bên trong đá thầm cảm mến chàng Sơn Tinh uy nghi dũng mãnh. Nàng thầm mong cho chàng thắng cuộc.



Nhưng Thủy Tinh đâu có kém gì. Chàng gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa tới; há miệng phun nước thành sông dậy sóng. Tài năng của chàng không kém gì Sơn Tinh, nhưng lại khiến mọi người vô cùng sợ hãi.



Thấy cả hai ngang sức ngang tài, vua Hùng càng bối rối. Thực lòng khi thấy Thủy Tinh có vẻ dữ dằn, ngài có nghiêng về phía Sơn Tinh nhiều hơn. Nhưng luật nước không nể tình riêng, vua đành quyết định:

- Hai người hãy về sắm đồ sính lễ. Phải có đủ một trăm vắn com nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao. Ai đến trước nhất trong ngày mai, ta sẽ gả Mỹ nương cho.

Hai chàng trai vội vã quay về sửa soạn. Vốn sống ở rừng núi, Sơn Tinh kiếm thú quý dễ như trở bàn tay. Chàng cùng trai tráng trong vùng đeo tên đeo nỏ đốt đuốc đi săn. Trong khi ấy, các cô gái ở nhà xay lúa, giã gạo, nhóm bếp, nấu com, làm bánh tít ta tít tít. Quá nửa đêm, tất cả đã xong xuôi.



Sáng hôm sau, Sơn Tinh ra đứng trên đỉnh núi Tản cao sừng sững nhìn về hướng mặt trời mọc chờ đợi. Tia nắng mặt trời đầu tiên vừa loáng trên mặt biển, chàng ngẩng đầu lên khẩn xin thần Mặt Trời giúp đỡ, đoạn cuỡi ngựa chín hồng mao, dẫn voi chín ngà, gà chín cựa xuống núi. Theo sau là một trăm chàng trai mang trăm vầu cơm nếp và một trăm cô gái bê hai trăm nệp bánh chưng. Họ lũ lượt cùng đến ra mắt vua Hùng.

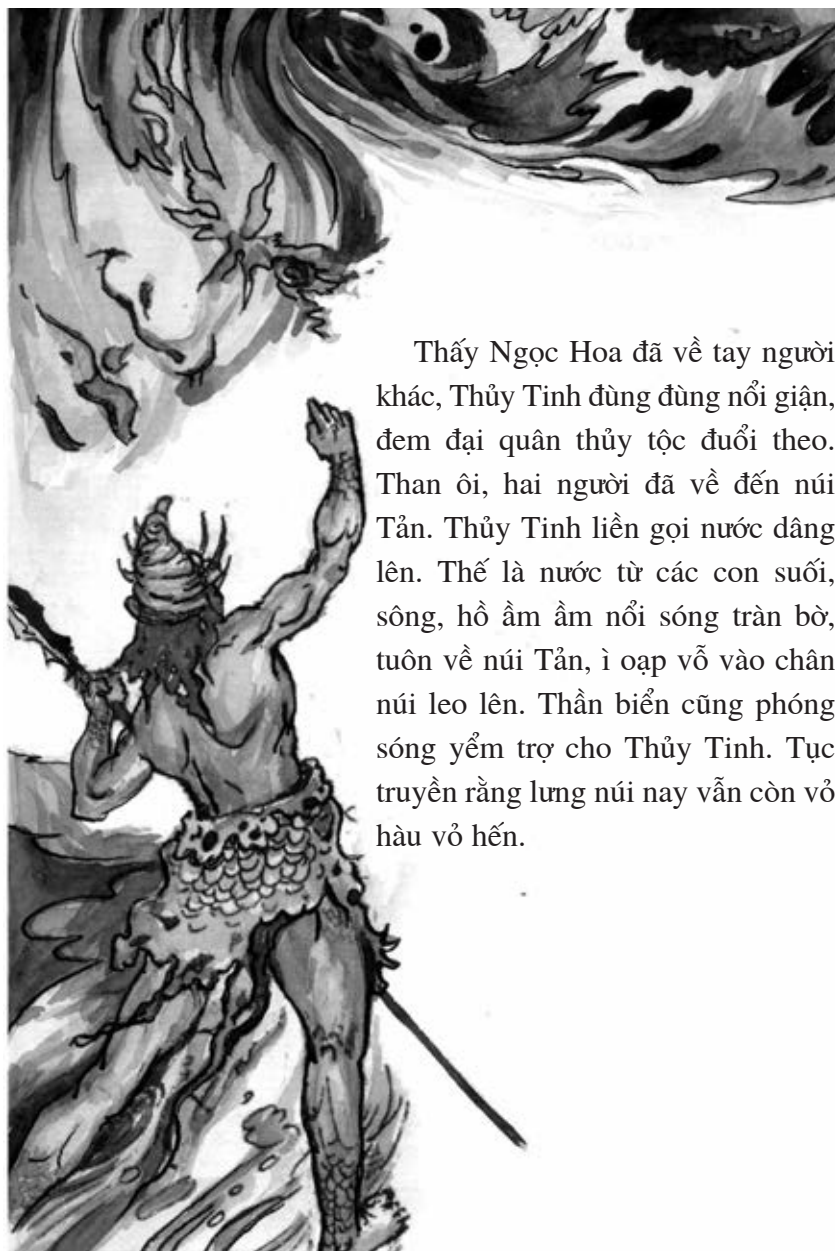




Nhà vua giữ lời hứa, nhận đồ sính lễ, ra lệnh cho Ngọc Hoa trang điểm để về nhà chồng. Tuy đã sẵn sàng, nhưng Ngọc Hoa còn quyến luyến vua cha, chưa nỡ rời xa. Vua Hùng phải hối thúc, nàng mới nhỏ lệ búi tóc đi theo Sơn Tinh. Đến bến sông, họ xuống thuyền đi về phía núi Tản. Rồi chẳng mấy chốc họ đã khuất sau những áng mây bập bênh trên đỉnh non cao.

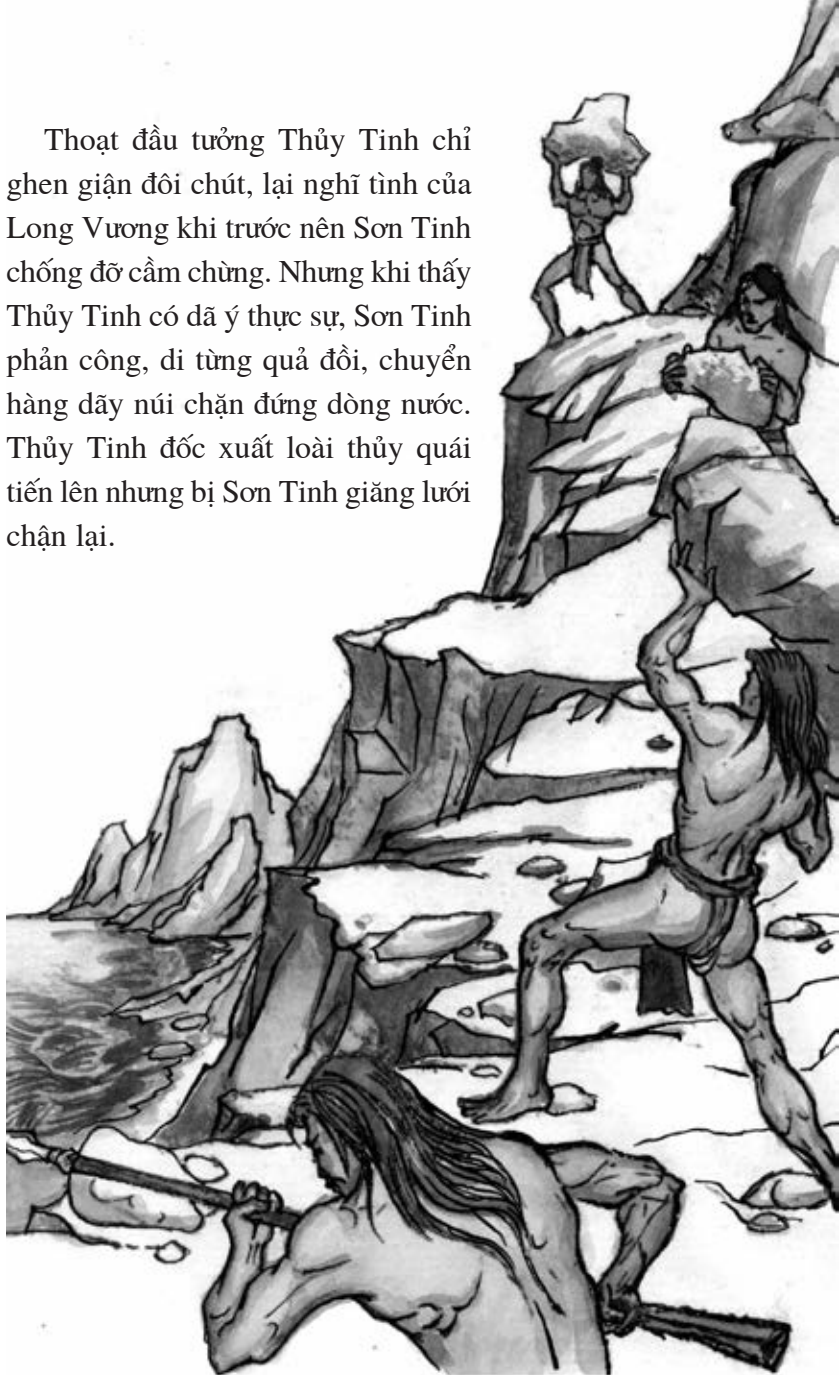
Còn Thủy Tinh vốn người ở biển, chỉ có tôm cá rong rêu nên kiếm đồ sính lễ thật là vất vả. Dù có nhiều ốc xà cừ nhưng không thể đổi lấy các thứ cần thiết trong vòng có một đêm. Thủy Tinh đành phải đợi đến sáng hôm sau. Khi chàng đưa lễ vật đến thì Sơn Tinh đã đem nàng Ngọc Hoa rời cung từ lâu.





Thấy Ngọc Hoa đã về tay người khác, Thủy Tinh bùng bùng nổi giận, đem đại quân thủy tộc đuổi theo. Than ôi, hai người đã về đến núi Tản. Thủy Tinh liền gọi nước dâng lên. Thế là nước từ các con suối, sông, hồ ầm ầm nổi sóng tràn bờ, tuôn về núi Tản, ì oạp vỗ vào chân núi leo lên. Thần biển cũng phóng sóng yểm trợ cho Thủy Tinh. Tục truyền rằng lưng núi nay vẫn còn vỏ hào vỏ hến.

Thoạt đầu tưởng Thủy Tinh chỉ ghen giận đôi chút, lại nghĩ tình của Long Vương khi trước nên Sơn Tinh chống đỡ cầm chừng. Nhưng khi thấy Thủy Tinh có dã ý thực sự, Sơn Tinh phản công, di từng quả đồi, chuyển hàng dãy núi chặn đứng dòng nước. Thủy Tinh dốc xuất loài thủy quái tiến lên nhưng bị Sơn Tinh giăng lưới chặn lại.





Thủy Tinh liền xẻ sông Đáy thông với sông Đà, băng qua sông Hát đánh vào mặt hậu của Sơn Tinh, đồng thời đào con sông Thiên Tích, đánh vào mặt tiền của Sơn Tinh. Nước chảy xoáy biến các làng chung quanh núi Tản thành vực thẳm, loài thủy quái thừa thế tiến lên. Nước dâng lên theo, bao vây núi Tản cực kỳ khẩn cấp.

Nhưng nước càng dâng cao bao nhiêu thì núi càng cao lên bấy nhiêu. Sơn Tinh huy động loài thú rừng chống lại loài thủy quái. Voi, cọp, hổ xông vào tấn công thường luồng, cá sấu. Dân chúng quanh vùng đánh trống, gõ cối hò reo yểm trợ. Dân còn đóng cọc, đan phên, đổ đất làm rào ngăn nước. Cuộc chiến ác liệt xảy ra mấy ngày liền, bất phân thắng bại.





Thủy Tinh càng tức giận, chỉ còn cách huy động rồng dữ. Rồng xuất hiện, khí thế ào ào. Thủy Tinh cuời rồng bay lên đỉnh núi, cho vòi rồng phóng ra định bắt Sơn Tinh, đoạt lại Ngọc Hoa. Nhưng Sơn Tinh để tay lên trang Hỏa của cuốn sách ước, làm cho sấm sét nổi lên chặt đứt vòi rồng thành mấy đoạn. Thủy Tinh rơi tõm xuống nước.



Sức đã kiệt, Thủy Tinh đành chấp nhận thua trận, phải rút lui. Trên con đường thoái về, Thủy Tinh vẫn còn hung hăng cho nước cuốn theo con người cùng cây cỏ súc vật để trả thù. Cây cối trốc gốc ngã nghiêng, xác người cùng trâu, bò, heo, gà la liệt. Quân của Sơn Tinh đuổi theo vừa truy kích vừa cứu vớt người bị nạn.



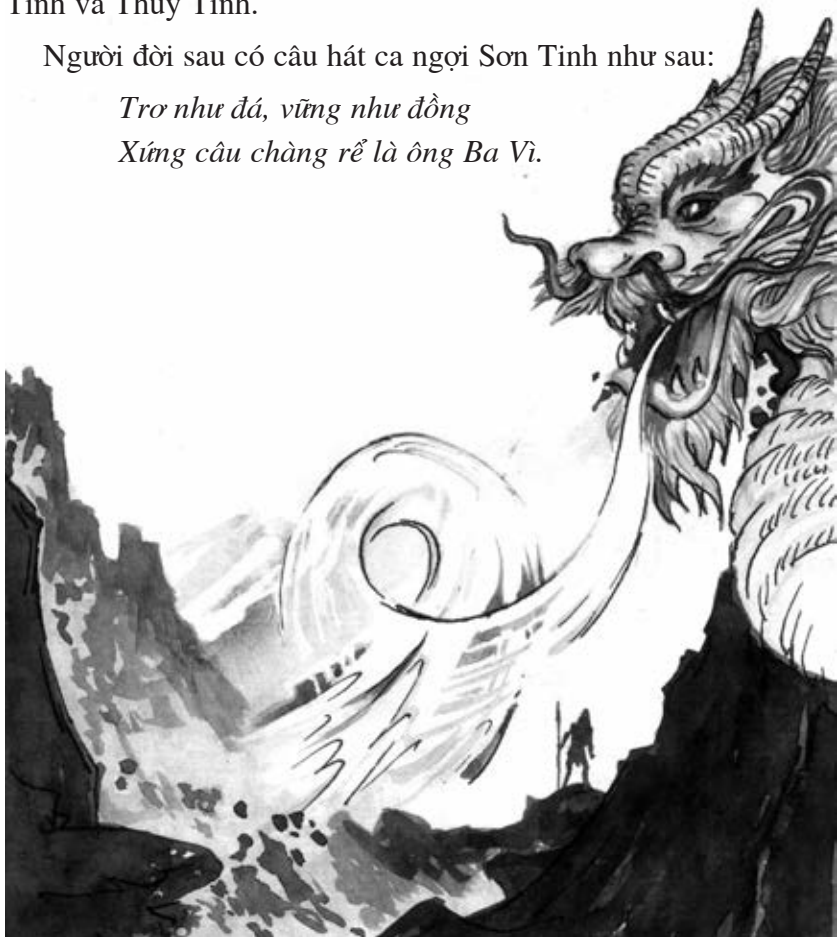
Sơn Tinh thắng trận nhưng hậu quả của cuộc chiến thật là thảm khốc. Nhà cửa tan hoang, ruộng vườn úng nát. Sơn Tinh cùng Ngọc Hoa giúp đỡ dân chúng dựng lại nhà, be lại ruộng, ổn định lại cuộc sống. Đâu đó xong xuôi, Sơn Tinh mới mở tiệc ăn mừng và cho lập ngôi đền Và trên sườn núi để ghi nhớ chiến công ấy. Ngôi đền này hiện nay vẫn còn ở Sơn Tây, Hà Nội.



Nhưng Thủy Tinh không bao giờ quên mối thù truyền kiếp ấy, hàng năm vào tháng bảy, tháng tám vẫn dâng nước lên dọa nạt Sơn Tinh, phá hoại cây cối, ruộng nương và hãm hại con người. Vì vậy mà hàng năm con người phải chống chọi với lụt lội, giông bão. Mỗi khi nước tràn lên, dân chúng lại đóng cọc, đan phên, đắp đất ngăn nước, đồng thời cho nổi trống và hò reo ầm ĩ để thị uy. Đó là dấu ấn còn sót lại từ cuộc chiến đấu sống còn giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

Người đời sau có câu hát ca ngợi Sơn Tinh như sau:

*Tro như đá, vũng như đồng
Xứng câu chàng rể là ông Ba Vì.*



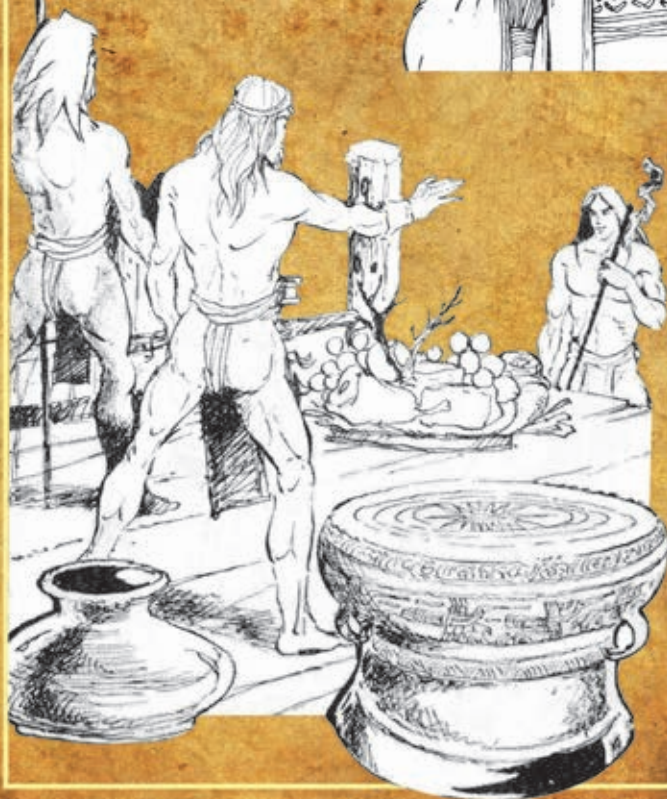
LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 4
HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: BUI NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Tiên Dung, Chủ Đồng Tử là truyền thuyết tình yêu rất đẹp trong thời các vua Hùng... Truyền cho ta biết về sự truyền bá Phật giáo vào nước ta, về các tập tục cưới xin, chôn cất người chết, cùng các sinh hoạt thường ngày của người dân Lạc Việt như mặc khổ, đội nón, ...



Chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh thể hiện trí tưởng tượng phong phú, dồi dào của người dân ở thời các vua Hùng về một hiện tượng tự nhiên: lụt lội. Chiến thắng của Sơn Tinh chính là ước mơ chinh phục thiên nhiên của người dân ở buổi đầu dựng nước.